

KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHƠI DẬY KHÁT VỌNG KIẾN TẠO TƯƠNG LAI

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH BÌNH DƯƠNG

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

28 Huỳnh Văn Nghệ, P. Phú Lợi,
TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại: (0274) 3904 669
Fax: (0274)3856 057
Email: thongtinkhcn@binhduong.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Bình Phước
Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

BAN BIÊN TẬP
Trần Trọng Tuyên
Lê Vương Duy
Nguyễn Thị Thơ Mộng

Trình bày:
Nguyễn Thị Thơ Mộng

BẢN TIN CHUYÊN ĐỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH BÌNH DƯƠNG NĂM 2021

TRONG SỐ NÀY...

- 2 Khoa học và công nghệ Bình Dương: Một số kết quả nổi bật
- 12 Thành phố thông minh Bình Dương - Phát triển toàn diện văn hóa xã hội, đô thị đáng sống
- 15 Công ty TNHH MTV cao su Dầu Tiếng những kinh nghiệm được đúc kết từ hoạt động quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ
- 17 Khoa học và công nghệ góp phần bảo vệ môi trường, phát triển khu vực kinh tế xanh
- 20 Bình Dương: Hệ thống dữ liệu không gian đô thị thông minh được kết nối liên thông
- 22 Ngành nông nghiệp Bình Dương: Ứng dụng khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực vượt qua khó khăn giữ mức phát triển sản xuất ổn định
- 27 Hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Thủ Dầu Một năm học 2020 - 2021
- 36 Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại Trường Đại học Bình Dương: tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0
- 39 Hiệu quả ứng dụng GIS vào thực tiễn quy hoạch và quản lý đô thị tỉnh Bình Dương
- 43 Công ty TNHH MTV cao su Dầu Tiếng áp dụng công nghệ mới nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh
- 45 Giáo dục đại học trong việc đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng dưới góc nhìn về Vài trò đào tạo - nghiên cứu khoa học trong bối cảnh tác động của cuộc CMCN 4.0
- 50 Bình Dương: Tăng trưởng xanh để góp phần ứng phó biến đổi khí hậu

2021 Khoa học và công nghệ Bình Dương MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT

Trong tình hình dịch bệnh Covid - 19 diễn biến phức tạp, nhưng nhìn chung trong năm 2021 hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) đã nỗ lực đảm bảo tiến độ và chất lượng các nhiệm vụ đề ra. Một số nội dung nổi bật:

Công tác quản lý khoa học

Xây dựng định hướng NCKH-PTCN năm 2021 làm cơ sở cho các sở ban ngành, UBND huyện thị thành phố đề xuất đặt hàng và các Viện Nghiên cứu, Trường Đại học, các tổ chức KH&CN làm cơ sở đề xuất nhiệm vụ NCKH-PTCN năm 2021. Trong năm đã đẩy mạnh triển khai các đề tài, dự án xuyên suốt ở 03 cấp từ cấp Trung ương đến cấp tỉnh và cấp cơ sở. Trong đó, có 01 dự án được Bộ KH&CN phê duyệt triển khai thuộc chương trình nông thôn miền núi.

Tổ chức họp 14 hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ cấp tỉnh; 01 hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ đề đề xuất đặt hàng dự án thuộc chương trình nông thôn miền núi; 01 hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ cấp cơ sở. Số lượng đề tài, dự án cấp tỉnh được phê duyệt trong Danh mục nhiệm vụ NCKH-PTCN năm 2021 tăng gấp 03 lần so với 2020, tất cả các đề tài đều có đơn vị đặt hàng và có sự cam kết ứng dụng đề tài sau khi đề tài được triển khai và nghiệm thu, nhiều đề tài mang tính thời sự và được doanh nghiệp rất quan tâm và cùng phối hợp với đơn vị chủ trì đề tài để tổ chức hội thảo khoa học, hỗ trợ kinh phí để thực hiện. Cụ thể như:

(1) Nghiên cứu thí điểm áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Bình Dương; (2) Thực trạng và giải pháp đối với tăng, ni cư trú và hoạt động tôn giáo ngoài tự viện trên địa bàn tỉnh Bình Dương; (3) Nghiên cứu địa danh trên địa bàn tỉnh Bình Dương; (4) Nghiên cứu phát triển mô hình du lịch nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao theo định hướng phát triển làng thông minh; (5) Xây dựng mô hình sản xuất tinh dầu từ phụ phẩm cam sành và bưởi da xanh tại huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và phát triển một số sản phẩm ứng dụng từ tinh dầu.

(6) Nghiên cứu phương thức canh tác phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp sinh thái cho một số loại cây ăn trái và rau tại các huyện phía Bắc tỉnh Bình Dương; (7) Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp phát triển sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn hữu cơ trên địa bàn tỉnh Bình Dương; (8) Giải pháp kiểm soát Salmonella Enteritidis và Salmonella Typhimurium trong chăn nuôi gà thịt tại tỉnh Bình Dương; (9) Giải pháp thúc đẩy thực hiện trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong bối cảnh thực

thi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA); (10) Định hướng phát triển khoa học và công nghệ gắn với đổi mới sáng tạo trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021-2030.

(11) Giải pháp phát triển ngành nghề truyền thống mộc gia dụng, điêu khắc gỗ và sơn mài tỉnh Bình Dương; (12) Bảo tồn và phát triển sản phẩm, tác phẩm làng nghề sơn mài truyền thống dựa trên nền tảng công nghệ thực tế ảo; (13) Nghiên cứu chế phẩm có tác dụng hạ lipid máu và bảo vệ gan từ trái bưởi non trồng tại Bình Dương; (14) Đánh giá hiệu quả của việc lọc máu thay huyết tương ở bệnh nhân bị Covid-19 nặng và nguy kịch và xây dựng quy trình lọc máu thay huyết tương nhằm cải thiện hiệu quả điều trị và làm giảm tỷ lệ tử vong cho người bệnh; (15) Xây dựng quy trình chuẩn lâm sàng thở oxy mũi dòng cao (HFNC) trong điều trị bệnh nhân Covid-19 nặng và nguy kịch nhằm cải thiện hiệu quả điều trị và làm giảm tỷ lệ tử vong cho người bệnh

Tổ chức họp 08 hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN: (1) Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm chế biến gỗ của tỉnh Bình Dương; (2) Nghiên cứu thí điểm áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Bình Dương; (3) Thực trạng và giải pháp đối với tăng, ni cư trú và hoạt động tôn giáo ngoài tự viện trên địa bàn tỉnh Bình Dương; (4) Nghiên cứu địa danh trên địa bàn tỉnh Bình Dương; (5) Nghiên cứu phát triển mô hình du lịch nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao theo định hướng phát triển làng thông minh; (6) Xây dựng mô hình sản xuất tinh dầu từ phụ phẩm cam sành và bưởi da xanh tại huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và phát

triển một số sản phẩm ứng dụng từ tinh dầu; (7) Đánh giá hiệu quả của việc lọc máu thay huyết tương ở bệnh nhân bị Covid-19 nặng và nguy kịch và xây dựng quy trình lọc máu thay huyết tương nhằm cải thiện hiệu quả điều trị và làm giảm tỷ lệ tử vong cho người bệnh; (8) Xây dựng quy trình chuẩn lâm sàng thở oxy mũi dòng cao (HFNC) trong điều trị bệnh nhân Covid-19 nặng và nguy kịch nhằm cải thiện hiệu quả điều trị và làm giảm tỷ lệ tử vong cho người bệnh.

Tổ chức nghiệm thu 04 đề tài, dự án: (1) Phòng, chống tội phạm cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trên địa bàn tỉnh Bình Dương (2) Phòng ngừa tội phạm trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Bình Dương (3) Phòng, chống tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương (4) Nghiên cứu và đánh giá mức phát thải khí nhà kính trên đơn vị GRDP tại tỉnh Bình Dương. Tất cả đề tài đều được đơn vị thụ hưởng ứng dụng, trong đó có 02 đề tài được Hội đồng nghiệm thu đánh giá xuất sắc.

Bên cạnh đó, Sở KHCN cũng đã tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước cho 02 đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn gồm: (1) Lịch sử tỉnh Bình Dương; (2) Kinh tế Bình Dương trong bối cảnh Covid-19: Cơ hội và thách thức. Kết quả đã cấp giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.

Trong năm 2021, dự án: Ứng dụng tiến bộ KHCN sản xuất các chủng loại phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi của tỉnh Bình Dương được thực hiện với mục tiêu chuyển giao và làm chủ các quy trình công nghệ sản xuất các chế phẩm vi sinh, công nghệ xử lý chế biến chất thải rắn trong chăn nuôi thành

phân hữu cơ sinh học, phân hữu cơ vi sinh từ chất thải rắn chăn nuôi gia súc, gia cầm phục vụ cho sản xuất nông nghiệp an toàn theo hướng hữu cơ tại tỉnh Bình Dương đạt tiêu chuẩn theo quy định tại QCVN 01-189:2019/BNNPTNT. Theo đề nghị của tỉnh Bình Dương, nhiệm vụ KHCN này đã được Bộ KHCN phê duyệt vào danh mục các dự án trung ương quản lý thực hiện từ năm 2022 (thuộc Chương trình Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025).

Thành lập Hội đồng cấp tỉnh xét tặng giải thưởng Hồ Chí Minh cho “Cụm công trình nghiên cứu về cây Dền gai THS (*Amaranthus spinosus* L.) và cây Rau sam THS (*Portulaca oleracea* L.) và tạo sản phẩm thuốc mới điều trị bệnh” của Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Dược. Kết quả công trình được Hội đồng cấp tỉnh đánh giá Đạt yêu cầu và chuyển hồ sơ đến Hội đồng cấp Nhà nước để xem xét, đánh giá.

Tổ chức các buổi làm việc giữa Sở KHCN với từng UBND các huyện, thị xã, thành phố để tăng cường gắn kết KHCN, xem xét các thuận lợi khó khăn của các huyện thị xã thành phố và nhu cầu về KHCN của các đơn vị để kết nối chặt chẽ phát triển KHCN trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức hội nghị gắn kết khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp phát triển nông thôn với Trường Đại học Nông Lâm Tp.HCM, Sở Nông nghiệp - PTNT, Sở KHCN. Qua đó kết nối được giữa khoa học và thực tiễn, các nhiệm vụ KHCN sẽ được chủ động triển khai thực hiện, có hệ thống và đi vào chiều sâu. Ký kết hợp tác KHCN trong lĩnh vực Nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 giữa Trường ĐH Nông Lâm Tp.HCM với Sở KHCN và Sở NN-PTNT; phối hợp tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế với



Lãnh đạo Sở KH&CN, Sở nông nghiệp PTNT, Trường Đại học Nông lâm Tp.HCM quyết tâm gắn kết KH&CN trong phát triển nông nghiệp

Trường Đại học Việt Đức...

Tham mưu phân hạng sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh. Tham mưu đánh giá đề nghị công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2019 cho 6 xã (Bạch Đằng, Thạnh Hội thị xã Tân Uyên; Định Thành, Thanh Tuyên, Định Hiệp, Long Hòa huyện Dầu Tiếng; Lạc An, Đất Cuốc huyện Bắc Tân Uyên; Tân Hiệp huyện Phú Giáo); Tham gia thẩm định 09 xã đề nghị công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2020 gồm: Minh Tân, Định An, Minh Hòa, Long Tân huyện Dầu Tiếng; An Thái, Tân Long huyện Phú Giáo; Cây Trường II, Lai Hưng, Long Nguyên huyện Bàu Bàng).

Công tác quản lý chuyên ngành

Hướng dẫn cho 32 đơn vị, tổ chức cá nhân lập hồ sơ cấp phép tiến hành công việc bức xạ và 102 tổ chức, cá nhân về thủ tục đăng ký và xác lập quyền sở hữu công nghiệp. Đặc biệt đã phối hợp Viện Khoa học SHTT hỗ trợ hai học sinh trường Nguyễn Văn Cừ - Tp. Thủ Dầu Một đăng ký quyền SHCN đối với thiết bị đo thân nhiệt và khử khuẩn tự động kết hợp điếm danh thông minh - Thiết bị đã đáp ứng các tiêu chí đăng ký xác lập quyền về giải pháp hữu ích.

Thẩm định và cấp 39 giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho 36 đơn vị (bao gồm cả gia hạn; cấp mới và sửa đổi bổ sung) và cấp 25 chứng chỉ nhân viên bức xạ cho 25 cá nhân làm công tác đảm bảo an toàn bức xạ tại các đơn vị y tế. Thẩm định và phê duyệt 02 kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cho 02 cơ sở có sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế.

Triển khai thực hiện Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử đến các tổ chức cá nhân trên địa bàn tỉnh. Đồng thời trình UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ được giải quyết thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với Viện Ứng dụng Công nghệ thông tin và bức xạ triển khai xây dựng hoàn thiện Kế hoạch ứng phó sự cố và Kịch bản diễn tập ứng phó sự cố bức xạ trên địa bàn tỉnh. Làm việc với Công ty TNHH MTV Đại Thiên Lộc để xác định địa điểm diễn tập ứng phó sự cố bức xạ.

Thống kê từ tháng 01 đến ngày 30/10/2021 số lượng đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ được Cục Sở hữu trí tuệ cấp cho các tổ chức cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Dương là 1.256. Cụ thể, đơn đăng ký là 704 (617 nhãn hiệu, 69 kiểu dáng công nghiệp, 18 sáng chế/giải pháp hữu ích); Văn bằng bảo hộ là 552 (505 nhãn hiệu, 46 kiểu dáng công nghiệp, 01 sáng chế/giải pháp hữu ích).

Công tác quản lý công nghệ và thị trường công nghệ

Theo thống kê đến cuối năm 2021, số lượng tổ chức KH&CN do Sở KH&CN cấp giấy chứng nhận tổ chức KH&CN là 22 đơn

vị, 07 đơn vị do Bộ GD-ĐT quản lý (gồm các trường đại học - cao đẳng).

Số lượng phòng thí nghiệm, trạm, trại



Giám đốc Sở KH&CN Nguyễn Việt Long gặp gỡ, trao đổi chính sách KH&CN với Tổ chức KH&CN

thực nghiệm địa bàn tỉnh như sau: 07 phòng thí nghiệm, thực nghiệm được xây dựng dựa trên những lĩnh vực thuộc thế mạnh của địa phương như: Fablab lĩnh vực cơ khí chế tạo (Trường Cao đẳng Việt Nam - Singapore); Fablab lĩnh vực công nghệ sinh học (Trường Đại học Thủ Dầu Một); Fablab đa ngành (Trung tâm Sáng kiến cộng đồng và Hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Bình Dương); Phòng thí nghiệm chế tạo Becamex; Phòng thí nghiệm chiếu sáng Philips EIU tại Đại học Quốc tế Miền Đông; Viện nghiên cứu và phát triển Becamex; Phòng nghiên cứu và phát triển chung của VNTT và Wustech.

Hiện trên địa bàn tỉnh có 04 doanh nghiệp KH&CN, có 03 doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, đầu tư cải tiến phát triển sản phẩm mới tại doanh nghiệp với tổng số tiền trích Quỹ hơn 120 tỷ đồng.

Công tác góp ý hoặc thẩm định về mặt công nghệ sản xuất dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật tiếp tục được thực hiện tốt: trong năm 2021 góp ý



cho 60 dự án đầu tư do Sở Kế hoạch Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến, chưa phát sinh trường hợp cần thẩm định về mặt công nghệ theo quy định pháp luật.

Chúng nhận 08 hợp đồng chuyển giao công nghệ các dự án đầu tư có vốn đầu tư nước ngoài; 01 hợp đồng chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp trong nước (Vina-mit); chúng nhận đăng ký thành lập 02 tổ chức KHCCN ngoài công lập; chúng nhận điều chỉnh, bổ sung đối với 01 doanh nghiệp KHCCN.

Phối hợp WTC Bình Dương tổ chức 02 sự kiện: Hội thảo công nghệ xanh Châu Âu - Việt Nam và Hội nghị Chuyển đổi công nghiệp Châu Á - Thái Bình Dương - sự kiện Hannover Messe. Các sự kiện đã góp phần tạo ra một nền tảng đối thoại giữa các nhà phát triển công nghệ và người dùng từ Châu Âu, Việt Nam và các Quốc gia Thành viên ASEAN khác, đẩy mạnh tính kết nối, hợp tác và chuyển giao công nghệ sản xuất xanh; thúc đẩy chuyển đổi số)

Phối hợp Đại học Việt Đức tổ chức 03 hội thảo nhằm mục tiêu thúc đẩy phát triển công nghệ, thị trường công nghệ, phát triển liên kết doanh nghiệp - cơ sở nghiên cứu, giáo dục.

Tham mưu UBND tỉnh Dự thảo Chương

trình phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2040. Trong đó, Bình Dương xây dựng các định hướng về KHCCN&ĐMST, đưa Bình Dương trở thành địa phương phát triển toàn diện dựa trên nền tảng công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao trên nhiều lĩnh vực: văn hóa, xã hội, con người, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Bình Dương; Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, kinh tế tri thức, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao.

Bên cạnh các nhiệm vụ của đơn vị, ngành khoa học và công nghệ đề xuất định hướng phát triển thành phố thông minh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: Khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng CNC, khu công nghệ thông tin tập trung, vườn ươm, khu làm việc chung, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành; Phát triển các điểm nhấn của Vùng đổi mới sáng tạo, Khu công nghiệp KHCCN (khu vực thành phố Thủ Dầu Một, khu vực Thành phố mới Bình Dương và khu vực Bến Cát gắn với Khu Công nghiệp KHCCN). Nghiên cứu phát triển bền vững vùng, liên kết vùng, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và khả năng liên kết các ngành, vùng trọng điểm lân cận; mô hình phát triển các ngành dịch vụ chủ lực có hàm lượng chất xám cao, có lợi thế và tầm ảnh hưởng cao trong nước.

Công tác thông tin, thống kê, tuyên truyền, phổ biến kiến thức KHCCN

Xuất bản 09 bản tin giấy và bản tin điện tử về chuyên đề Chào mừng Ngày Khoa học và công nghệ Việt Nam 18/5/2021 và Hoạt động khoa học và công nghệ trên địa

bản tỉnh Bình Dương; thông tin tổng hợp về thành tựu, hoạt động khoa học và công nghệ trong và tỉnh; phát hành 01 Kỷ yếu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2020 với 150 nhiệm vụ đã thực hiện đăng ký lưu giữ; 01 Kỷ yếu về kết quả thực hiện Luận văn - luận án sau đại học tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2020 với 200 luận văn luận án đã đăng ký lưu giữ; xây dựng phim khoa học và công nghệ chào mừng Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên website Sở và Cổng Thông tin KHCN. Phối hợp với Đài phát thanh và Truyền hình Bình Dương xây dựng gần 30 chuyên đề truyền thông trong các lĩnh vực: Sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giải thưởng chất lượng quốc gia, thông tin KHCN, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo... Đặc biệt, chú trọng truyền thông cho các ngày lễ lớn của ngành: Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 26/4/2021, Ngày Khoa học và công nghệ Việt Nam 18/5, Ngày Đo lường Việt Nam 20/01, ngày Tiêu chuẩn Thế giới 14/10/2021... Phối hợp với Báo Bình Dương triển khai thông tin tuyên truyền về hoạt động KHCN trên Báo Bình Dương với gần 50 bài viết

Tiếp nhận và cấp 50 giấy chứng nhận đăng ký lưu giữ luận văn - luận án sau đại học; cấp 32 giấy chứng nhận đăng ký lưu giữ nhiệm vụ khoa học. Thực hiện tốt công các lưu trữ, chia sẻ dữ liệu và quản lý các CSDL thuộc lĩnh vực KHCN; Theo dõi, vận hành hạ tầng máy chủ, hỗ trợ kỹ thuật cho các phần mềm, CSDL của Sở KHCN và các đơn vị liên kết; Đẩy mạnh công tác kết nối, tuyên truyền các hoạt động hỗ trợ, tư vấn, xây dựng và phát triển về sản phẩm dịch vụ công nghệ và thiết bị trực tuyến của tỉnh góp phần phát triển thị trường KHCN.

Chủ trì, phối hợp ký kết 03 Chương trình phối hợp giai đoạn 2021-2025: (1) Chương trình phối hợp giữa Sở Khoa học và Công nghệ và Hội Nông dân tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 - 2025; (2) Chương trình phối hợp hoạt động giữa Sở Khoa học và



Khảo sát, hỗ trợ nông dân ứng dụng thông tin KH&CN trong chương trình phối hợp

Công nghệ, Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021- 2025; (3) Ký kết triển khai thực hiện Chương trình phối hợp giữa Sở Khoa học và Công nghệ và Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 -2025. Nhằm thực hiện việc phối hợp đội ngũ trí thức trong triển khai các hoạt động liên quan đến phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật, tư vấn phản biện xã hội, cuộc thi và hội thi sáng tạo khoa học và kỹ thuật... và đặc biệt, hai đơn vị sẽ phối hợp để triển khai nội dung “Tư vấn mô hình mẫu về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Dương; cung cấp các danh mục, giải pháp, nền tảng phục vụ chuyển đổi số” (theo Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 31/03/2021 của UBND tỉnh Bình Dương về kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030).

Công tác thanh tra, kiểm tra

Công tác thanh tra chuyên ngành, phòng, chống tham nhũng được thực hiện theo kế

hoạch năm 2021, tuy nhiên, một số nội dung do do tình hình dịch bệnh COVID - 19 diễn biến phức tạp nên tạm thời hoãn chưa triển khai.

Trong công tác kiểm tra, Sở đã chủ trì kiểm tra 01 cơ sở sử dụng phương tiện đo không đạt yêu cầu và đã xử lý vi phạm với số tiền 70 triệu đồng. Chủ trì kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường 01 cơ sở kinh doanh mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy. Qua kiểm tra 04 mẫu đang bày bán tại cửa hàng, kết quả về nhãn hàng hóa phù hợp theo quy định, có lưu trữ hồ sơ chất lượng theo quy định.

Tổ chức khảo sát chất lượng 08 mẫu xăng, dầu. Kết quả phát hiện 02 mẫu xăng có chất lượng không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, đã gửi văn bản đề nghị Cục Quản lý thị trường kiểm tra đột xuất tại 02 cơ sở có mẫu xăng không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật.

Phối hợp Cục Quản lý thị trường tiến hành kiểm tra về chất lượng tại 30 cơ sở kinh doanh xăng dầu. Qua kiểm tra nhanh chỉ số octan tại hiện trường 48 mẫu xăng Ron 95-III và 04 mẫu xăng E5 Ron 92-II đều đạt theo quy định, tiến hành lấy 09 mẫu xăng Ron 95-III, 02 mẫu xăng E5 Ron 92-II gửi thử nghiệm tại Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3. Qua kiểm tra 151 cột đo xăng dầu đều còn trong thời hạn kiểm định theo quy định và đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường, tuy nhiên phát hiện 01 mẫu xăng không phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật, đã đề xuất xử lý vi phạm với số tiền 456 triệu đồng.

Phối hợp Sở Công Thương kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm đối với Chi nhánh Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam tại Bình Dương. Qua kiểm tra Công ty chấp hành đầy đủ các quy định, tuy nhiên về ký hiệu tiêu chuẩn cơ sở chưa phù hợp theo quy định. Đoàn kiểm tra hướng dẫn đề nghị

Công ty công bố lại theo quy định.

Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng

Tiếp nhận và xử lý 670 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (trong đó giải quyết 655 hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, chiếm tỉ lệ 97,7 %). Phúc đáp 25 công văn về việc đề nghị miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu nhằm mục đích lắp đặt, sử dụng nội bộ trong nhà xưởng của 15 doanh nghiệp, tổ chức đối với các sản phẩm quạt điện, bàn là, máy hút bụi, máy khoan, dây cáp điện, cân bàn điện tử. Ban hành 55 thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn và 41 thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy.

Ban hành Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đạt yêu cầu về chất lượng đối với 01 lô hàng dây thép không gỉ và 04 lô hàng đồ chơi dành cho trẻ em, đang tiến hành xử lý theo quy định.

Thành lập Hội đồng sơ tuyển giải thưởng chất lượng quốc gia và vận động các doanh nghiệp tham dự giải thưởng chất lượng Quốc gia năm 2021. Hội đồng sơ tuyển đã đánh giá tại doanh nghiệp và đề xuất Công ty TNHH Minh Long I đạt Giải Vàng Chất lượng Quốc gia.

Phối hợp Sở Nội vụ kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021 về nội dung ISO hành chính công được 08 đơn vị (Sở Tư pháp; Sở Y tế; Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thanh tra tỉnh, UBND Tp Thuận An, UBND thị xã Tân Uyên) và kết quả các đơn vị áp dụng tốt hệ thống quản lý chất lượng.

Thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 2372/KH-UBND ngày

23/5/2019 của UBND tỉnh về xây dựng, áp dụng, chuyển đổi và mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2019 - 2021, Đến nay trên toàn tỉnh có 157 cơ quan đã xây dựng, áp dụng và thực hiện công bố HTQLCL phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001. Trong đó có 28 cơ quan thuộc diện bắt buộc áp dụng (Đảm bảo 100% kế hoạch) và 129 cơ quan thuộc diện khuyến khích áp dụng.

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện đăng ký hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và qua Cổng thông tin dịch vụ công mức độ 4 của tỉnh. Đến nay số lượng hồ sơ được giải quyết qua Cổng thông tin một cửa Quốc gia đạt 97,7% và số lượng doanh nghiệp tham gia đạt 166/170 doanh nghiệp đạt tỷ lệ 97,6%, tiếp nhận 55 thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn, hợp quy qua Cổng thông tin dịch vụ công mức độ 4 của tỉnh <https://dichvucong.binhduong.gov.vn>(đạt 275% so với mục tiêu năm 2021).

100% hồ sơ được giải quyết trước và đúng thời gian quy định. Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả một cửa duy trì trực theo quy định.

Đến ngày 27/11/2021, Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL đã kiểm định, hiệu chuẩn được 04 chuẩn đo lường; kiểm định được 32 loại phương tiện đo và chứng nhận đăng ký hiệu chuẩn được 33 phương tiện đo các loại; thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn 26.493 phương tiện đo, đạt 66% kế hoạch năm, đạt tỷ lệ 77% so với cùng kỳ năm 2020; Tổng số mẫu thử nghiệm được 572 mẫu, đạt 95 % kế hoạch năm, đạt 82% so với cùng kỳ năm 2020. Doanh thu đạt 5,793 tỷ đồng, đạt 57% kế hoạch năm, đạt 65% so với cùng kỳ năm 2020.

Hoạt động sự nghiệp ứng dụng tiến bộ

khoa học và công nghệ

Thực hiện dự án Bảo hộ, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Dầu Tiếng” cho sản phẩm cam và bưởi của huyện Dầu Tiếng.

Đêm nay, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KHCN đã được Cục An toàn bức xạ và hạt nhân cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử về đào tạo an toàn bức xạ.

Tính đến ngày 27/11/2021, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KHCN cung cấp và đọc liều chiếu xạ cá nhân 7.400 liều kế; kiểm định 140 thiết bị X quang chẩn đoán trong y tế, đạt tỷ lệ 63,6% kế hoạch năm; tư vấn lập 45 báo cáo đánh giá an toàn, kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ; Kiểm xạ 345 phòng thiết bị bức xạ; kiểm định, thử nghiệm 856 thiết bị kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện vệ sinh, an toàn lao động cho 12 cơ sở. Kiểm toán năng lượng và thực hiện các giải pháp cho 01 đơn vị. Doanh thu dịch vụ được 4,15 tỷ đồng, đạt 69,2% kế hoạch năm (cùng kỳ năm 2020 là 5,060 tỷ đồng, đạt 86% kế hoạch năm 2020).

Thực hiện các nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh giao về hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đề án thành phố thông minh Bình Dương

Triển khai Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2025: Tổ chức truyền thông, giới thiệu đề án và cách thức tham gia đề án cho các cơ sở giáo dục đại học, các đơn vị. Đã tổ chức Hội đồng xét duyệt 02 nhiệm vụ tham gia đề án (Trường Đại học Thủ Dầu Một và Đại học Việt Đức về tổ chức Cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo) và đang xem xét xử lý 20 ý tưởng, dự án đã đạt giải từ các cuộc thi hoặc do các đơn vị gửi đề xuất đề nghị hỗ trợ.

Tổ chức Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu chính sách pháp luật và kiến thức về khởi



nghiệp sáng tạo tỉnh Bình Dương năm 2021; Phối hợp Tỉnh đoàn tổ chức Liên hoan Tuổi trẻ sáng tạo và khởi nghiệp năm 2021 và Tổ chức Cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp trong đoàn viên thanh niên năm 2021, cuộc thi đã chọn được 05 ý tưởng tiêu biểu từ các bạn là đoàn viên thanh niên khối trường đại học, khối đoàn cơ sở để trao giải và đề xuất tham gia các nội dung hỗ trợ từ Đề án 826 trong thời gian tới.

Tổ chức các hoạt động nhằm thực hiện vai trò kết nối, tạo động lực của Trung tâm Sáng kiến cộng đồng và hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh (BIIC) với mục tiêu nâng cao năng lực hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; phối hợp VTC10 thực hiện nội dung truyền thông về khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh với tiêu đề: Bình Dương đẩy mạnh xây dựng cộng đồng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; phối hợp Tỉnh đoàn tổ chức cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp trong đoàn viên thanh niên năm 2021, Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu chính sách pháp luật, kiến thức về khởi nghiệp sáng tạo tỉnh BD năm 2021; hỗ trợ không gian làm việc cho 06 nhóm khởi nghiệp và 02 doanh nghiệp khởi nghiệp; hỗ trợ không gian tổ chức sự kiện kết nối cộng đồng khởi nghiệp và các hoạt động thúc đẩy đổi mới sáng tạo khoảng 50 lượt.

Phối hợp đối tác Eindhoven Hà Lan,

Becamex và các bên hoàn thành hồ sơ: Vùng thông minh Bình Dương được Diễn đàn cộng đồng thông minh Thế giới ICF vinh danh vào Top 7 cộng đồng có chiến lược phát triển thành phố thông minh tiêu biểu năm 2021 trên thế giới; cùng các chuyên gia báo cáo các chuyên đề về thành phố thông minh cho UBND thành phố Thủ Dầu Một, ngoài ra đã hoàn thiện kế hoạch thực hiện đề án thành phố thông minh năm 2021 và báo cáo về định hướng phát triển thành phố thông minh những tháng cuối năm 2021.

Hỗ trợ và thúc đẩy các dự án, các mô hình thí điểm về việc ứng dụng công nghệ: Phối hợp với Viện Cơ học và Tin học ứng dụng thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Tổng công ty Becamex IDC thực hiện đề tài “Đo đạc bình đồ và xây dựng bản đồ 3D lòng hồ diện tích dưới 20 hecta” của Viện Cơ học và Tin học ứng dụng tại Công viên trung tâm thành phố mới Bình Dương.

Hỗ trợ Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam (VINASA) mời các đơn vị tham dự “Hội nghị Cấp cao Thành phố Thông minh Việt Nam – ASOCIO 2021” (Vietnam - ASOCIO Smart City Summit 2021)...

Nhiệm vụ trọng tâm năm 2022

Căn cứ Nghị quyết, Chương trình làm việc của Tỉnh ủy, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Phát triển tiềm lực KHCN, nhân lực KHCN, chú trọng giải pháp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực thông qua triển khai các nhiệm vụ KHCN trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Tăng cường gắn kết các Viện nghiên cứu, Trường Đại học với các doanh

ngành, sở ngành để đặt hàng các nhiệm vụ NCKH-PTCN. Đề xuất, xây dựng các cơ chế, chính sách, biện pháp thúc đẩy hoạt động KHCN huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

2. Đẩy mạnh triển khai Đề án 826 Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2020-2025, trong đó chú trọng việc đánh giá, xác định vị trí, tiềm năng của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo địa phương làm cơ sở tham mưu triển khai tốt Đề án đồng thời góp phần nâng cao vai trò hạt nhân, gắn kết của Trung tâm Sáng kiến cộng đồng và hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh BIIC đối với các thành phần trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo khởi nghiệp. Từng bước thúc đẩy quy hoạch hình thành những khu vực đổi mới sáng tạo nổi bật trên địa bàn tỉnh kết nối chặt chẽ với nhau, đặc biệt là 4 khu vực: (1) trung tâm thành phố Thủ Dầu Một, (2) trung tâm Thành phố Mới, (3) khu vực khuôn viên mới trường đại học Việt Đức và các khu công nghiệp Mỹ Phước tại Bến Cát, và (4) khu vực Khu công nghiệp Khoa học công nghệ trong tương lai tại Bàu Bàng.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành chương trình thúc đẩy chuyên gia, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài về Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất theo Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN của Bộ KH&CN.

3. Đẩy mạnh triển khai các dự án, chương trình của các sở, ngành theo định hướng của đề án thành phố thông minh giai đoạn 2021-2025. Chương trình phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2040.

4. Triển khai thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Bình Dương đến năm 2030.

5. Xây dựng và thực hiện phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của địa phương; Triển khai các giải pháp để đẩy mạnh việc phát triển sàn giao dịch công nghệ và thiết bị.

6. Đẩy mạnh hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng: Trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 - 2030 và Đề án nâng cao tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào quá trình tăng trưởng của tỉnh. Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

7. Thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp tổ chức, bộ máy theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; tăng cường kỷ luật kỷ cương, kỷ luật hành chính, xây dựng chính phủ điện tử và tăng cường ứng dụng CNTT, hiện đại hóa công tác quản lý; thực hiện nghiêm các quy định về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Tiếp tục thực hiện nghiêm công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. ▲

Huỳnh Anh

THÀNH PHỐ THÔNG MINH BÌNH DƯƠNG

Phát triển toàn diện văn hóa xã hội, đô thị đáng sống

Đề án xây dựng Thành phố thông minh đã giúp cho Bình Dương “thay da đổi thịt” sánh vai cùng với các đô thị phát triển trong khu vực nói chung và cả nước nói riêng.

Có thể nói, cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là công nghệ số đang làm thay đổi bức tranh kinh tế toàn cầu, công nghệ đang làm cho nhân loại trở nên kết nối và gắn kết hơn, tạo nhiều cơ hội phát triển, song cũng tạo ra không ít thách thức. Trong bối cảnh đó, chỉ khi các hoạt động của đời sống được vận hành theo quy luật xanh - thông minh nhằm giảm thiểu các tác hại của biến đổi khí hậu, lấy con người làm trung tâm thì khi đó mới đảm bảo hài hòa lợi ích giữa bảo tồn và phát triển để tạo ra những không gian sống nhân văn, hạnh phúc hơn. Trước bối cảnh đó, Bình Dương - vùng kinh tế công nghiệp lớn với hệ thống chính quyền năng động, cơ sở hạ tầng hiện đại là nền tảng cho đề án thành phố thông minh ra đời năm 2016 (theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Thành phố Thông minh - Bình Dương).

Giai đoạn 2016-2021, tỉnh Bình Dương đã có bước chuyển mình mạnh mẽ trong chiến lược đột phá xây dựng và phát triển thành phố thông minh (TPTM) Bình Dương theo hướng đô thị hiện đại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích cộng đồng, đưa tỉnh nhà lên một tầm cao mới, với các kết quả đáng ghi nhận, đề án còn góp phần thực hiện hóa được 4 chương trình đột phá của Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2016-2020; các

chương trình/dự án từ các Sở, Ban, ngành, viện, trường và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đề án đã được lãnh đạo tỉnh trực tiếp chỉ đạo triển khai quyết liệt, thu hút toàn xã hội hăng hái góp sức, huy động được nguồn lực, sau gần 5 năm đã đạt được những kết quả thực sự to lớn, đóng góp mạnh mẽ vào sự phát triển vượt bậc của tỉnh nhà, mở ra nhiều cơ hội mới đầy tiềm năng cho giai đoạn tiếp theo.

Từ các chương trình đổi mới, Bình Dương đã đạt được một số thành tựu rất ấn tượng như số lượng doanh nghiệp trong tỉnh từ đầu năm 2016 đến năm 2020 tăng đáng kể không chỉ về lượng mà còn về chất; hợp tác quốc tế tăng đột biến; hệ thống thông tin địa lý (GIS) trợ giúp công tác quản lý, cung cấp dịch vụ đô thị hợp lý; tổng đài đường dây nóng 1022 phục vụ người dân 24/7, cơ sở hạ tầng phát triển đặc biệt hạ tầng giao thông... về an sinh xã hội, Bình Dương cũng là nơi đầu tiên của cả nước xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, là địa phương duy nhất cho đến nay đã xóa hết hộ nghèo; xây dựng nhiều công viên cây xanh góp phần tạo môi trường sống xanh, sạch... đáp ứng nhu cầu mới của người dân và doanh nghiệp.

Phát triển cơ sở hạ tầng - đô thị đáng sống

Trong thời gian qua, Bình Dương chú

trọng xây dựng phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thông suốt, đặc biệt là hạ tầng giao thông kết nối nội vùng và liên vùng hoàn chỉnh: nâng cấp quốc lộ 13, đường cao tốc Mỹ Phước - Tân Vạn, Hệ thống xe bus nhanh BRT kết nối ga Suối Tiên đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, hoàn thành hạ tầng tuyến xe buýt BRT từ bến xe miền Đông mới về trung tâm thành phố mới Bình Dương; hệ thống camera giám sát điều hành giao thông, hệ thống thu phí điện tử tự động không dừng, hệ thống lưu trữ điện năng tại các giao lộ có đèn tín hiệu giao thông...



tạo ra môi trường sống bền vững, giúp doanh nghiệp và người dân sống và làm việc tốt hơn.

Nhiều dự án về đèn LED, chiếu sáng thông minh, tiết kiệm năng lượng đã được chính quyền và các doanh nghiệp trong tỉnh thực hiện. Tiêu biểu như lắp đặt hệ thống đèn LED ở Dĩ An, hay đưa vào vận hành hơn 6000 bóng đèn LED thông minh tại Thành phố mới, tuyến đường Mỹ Phước Tân Vạn, và các khu công nghiệp; đề án triển khai băng thông rộng đảm bảo kết nối các hệ thống IoT trên toàn tỉnh...

Nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, đáp ứng mong muốn chính đáng của người lao động và người dân, Bình Dương đã triển khai nhiều hình thức, tạo ra nhiều sân chơi bổ ích gắn liền với khu công nghiệp và đô thị như: Nhà hát, các trung tâm văn hóa cộng đồng; các thiết chế văn hóa thể thao; hệ thống chiếu sáng nghệ thuật tiết kiệm năng lượng tại Trung tâm hành chính; hệ thống công viên tại các khu công nghiệp và đô thị... trên diện tích đất hàng trăm ha, giá trị xây dựng hàng trăm tỷ đồng, triển khai đề án thúc đẩy môi trường xanh sạch giai đoạn 2017-2030, các dự án: đầu tư mở rộng hệ thống quan trắc, chia sẻ cơ sở dữ liệu và quản lý môi trường; dự án Xây dựng hệ thống máy chủ vận hành dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển thành phố thông minh tỉnh Bình Dương... hiện đang được triển khai; dự án Đầu tư Trung tâm điều hành thành phố thông minh giai đoạn 1, dự án xây dựng trụ sở Trung tâm điều hành Thành phố thông minh (đã xây dựng Báo cáo đề xuất chủ trương, đang thực hiện trình thẩm định)... đã góp phần

Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và phần mềm chuyên ngành xây dựng được phát triển dựa trên mô hình liên kết Ba Nhà là Sở Xây dựng - VNPT - Đại học Bách Khoa TP.HCM, hệ thống đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng và bàn giao cho các Sở, Ban, ngành và các đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh với mục tiêu xây dựng cơ sở dữ liệu không gian và hệ thống phần mềm ứng dụng hỗ trợ khai thác dữ liệu nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật đô thị. Đến nay, dự án đã khởi tạo thành công hệ thống thông tin địa lý chuyên ngành xây dựng, hệ thống được cài đặt trên Trung tâm dữ liệu dùng chung của tỉnh Bình Dương và thực hiện các dịch vụ cung cấp dữ liệu tại địa chỉ:

www.gisxd.binhduong.gov.vn. Khối lượng dữ liệu đã số hóa rất lớn, bao gồm: 01 quy hoạch chung toàn tỉnh, 13 quy hoạch chung đô thị, 41 quy hoạch phân khu, 46 quy hoạch nông thôn mới và 302 quy hoạch chi tiết trên toàn tỉnh; hơn 5.000 công trình xây dựng và các hồ sơ liên quan; dữ liệu về quy hoạch và hiện trạng khoáng sản làm vật liệu xây dựng; ngoài ra một khối lượng lớn các dữ liệu hạ tầng kỹ thuật trên toàn tỉnh cũng đã được thu thập, chuẩn hóa và lưu trữ trong hệ thống như: hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống viễn thông, hệ thống chiếu sáng, công viên - cây xanh, môi trường đô thị...

Tổng đài 1022 và hệ thống mạng xã hội (Zalo, Facebook...) để người dân, doanh nghiệp kết nối trực tiếp với chính quyền 24/7. Thông qua hệ thống tổng đài 1022 chỉ tính riêng năm 2021 hệ thống đã tiếp nhận và giải đáp khoảng 226.530 cuộc gọi phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Trong đó: có 45.849 cuộc gọi về cấp cứu, 51.297 cuộc gọi về cứu trợ, 5.327 cuộc gọi về an ninh, trật tự, 3.097 cuộc gọi về an toàn giao thông, 20.960 cuộc gọi giải đáp, hỗ trợ thông tin khác. Tổng đài đã chuyên cho các đơn vị tư vấn sức khỏe 1.975 trường hợp; tư vấn tâm lý cho 2625 trường hợp. Ngoài ra, việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, yêu cầu hỗ trợ của người dân còn được thực hiện qua các kênh khác như: website; zalo connect; email; mobile app theo khung giờ 24/7 với hơn 30.587 yêu cầu, trong đó chuyển xử lý khoảng 4.238 thông tin yêu cầu. Từ các kết quả trên cho thấy giữa người dân và chính quyền đã tạo được sự liên hệ mật thiết.

Phát triển y tế, văn hóa xã hội

Triển khai các giải pháp y tế thông minh phục vụ cho ngành Y tế: xây dựng hệ thống chẩn đoán, khám chữa bệnh từ xa Telemedicine và hệ thống chuyên giao kỹ thuật

khám chữa bệnh trực tuyến (hình thức cầu truyền hình).

Nhiều lễ hội, hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh với nhiều hình thức đổi mới, quốc tế hóa đang được khuyến khích tại Bình Dương, tiêu biểu như Lễ hội văn hóa Nhật Bản tại Thành Phố Mới được tổ chức định kỳ với quy mô ngày càng lớn và sôi động, năm 2018 thu hút hơn 15000 người tham gia.

Đẩy mạnh việc áp dụng và triển khai mô hình hợp tác “Ba nhà” (Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp) trong việc liên kết, phối hợp với các Trường Đại học, Viện Nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh xây dựng các dự án, đề án trọng điểm của các ngành như: Đề án “Phát triển TDTT tỉnh Bình Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Đề án “Phát triển du lịch Bình Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Dự án “Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu cảng Bà Lụa, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một phục vụ phát triển du lịch...”

Ngoài ra, tỉnh Bình Dương cũng đang phối hợp với các viện trường nghiên cứu các đề tài như: các giải pháp nâng cao môi trường sống, xây dựng bộ chỉ số thành phố sống tốt tại Bình Dương; khởi động nghiên cứu nhằm xây dựng môi trường văn hóa, thể thao, du lịch thông minh, Làng thông minh...

Chính từ định hướng rõ ràng và đúng đắn của chiến lược thành phố thông minh đã tạo bước đột phá phát triển vượt bậc kinh tế - xã hội, tạo cho Bình Dương trở thành một đô thị đáng sống, góp phần đưa Bình Dương là tỉnh duy nhất trong cả nước lọt vào Top 7 của cộng đồng thông minh thế giới ICF từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong thu hút đầu tư nước ngoài, định vị thương hiệu Bình Dương trên trường quốc tế. ▲

Diệu Hiền

Công ty TNHH MTV cao su Dầu Tiếng

NHỮNG KINH NGHIỆM ĐƯỢC ĐÚC KẾT TỪ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Quỹ khoa học và công nghệ là một trong các điều kiện để doanh nghiệp có động lực đầu tư đổi mới công nghệ. Với ý nghĩa đó, doanh nghiệp rất cần sự sát cánh của các cơ quan quản lý Nhà nước để hiện thực hóa yêu cầu nâng cao năng lực áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển khả năng cạnh tranh, xây dựng Cao su Dầu Tiếng trở thành thương hiệu mạnh và có vị thế trên thương trường quốc tế.

Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng là một trong những đơn vị sản xuất, kinh doanh cao su thiên nhiên có quy mô lớn của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đứng chân trên địa bàn tỉnh Bình Dương, nhiều năm qua, lãnh đạo và đội ngũ khoa học kỹ thuật Công ty rất quan tâm đến công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao sức cạnh tranh và trách nhiệm xã hội của doanh

nh nghiệp bằng các giải pháp cải tiến năng suất vườn cây cao su, nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường và áp dụng phương thức quản lý hiện đại.

Ngày từ năm 2009, thực hiện chủ trương của Chính phủ khuyến khích các doanh nghiệp trích lập Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ (Quỹ KHCN), Công ty đã thực hiện trích lập và thành lập Hội đồng quản lý Quỹ KHCN; qua hơn 10 năm trích lập Quỹ với số tiền tương đối lớn 460,724 tỷ đồng, Quỹ KHCN đã mang lại những lợi ích cho doanh nghiệp tương đối lớn và là đòn bẩy tích cực góp phần nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của thương hiệu Cao su Dầu Tiếng trên thương trường quốc tế.

Việc Nhà nước khuyến khích các hoạt động nghiên cứu khoa học tại doanh nghiệp bằng việc cho phép trích lập Quỹ KHCN đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty có nguồn kinh phí ổn định phục vụ công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất mà không làm ảnh hưởng đến chi phí



Mô hình nghiên cứu trồng xen giống cao su gỗ - mù sử dụng Quỹ KHCN tại Công ty Cao su Dầu Tiếng

sản xuất kinh doanh trong kỳ. Đội ngũ khoa học kỹ thuật của Công ty có cơ hội và được khuyến khích đầu tư chất xám để tập trung nghiên cứu cải tiến các công đoạn của dây chuyền sản xuất mủ cao su; nghiên cứu cho ra sản phẩm mới đáp ứng với nhu cầu ngày càng cao của thị trường cũng như trang bị các hạng mục máy móc thiết bị kỹ thuật công nghệ cao phục vụ cho quá trình giám sát chất lượng sản phẩm nhằm phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm Cao su Dầu Tiếng trên thị trường trong nước và quốc tế.

Song song với nghiên cứu phát triển sản phẩm, Công ty cũng không ngừng chú trọng công tác nghiên cứu các đề tài bảo vệ môi trường liên quan đến cải tiến nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, trang bị các thiết bị đo tự động thông số quan trắc tại trạm xử lý nước thải các nhà máy chế biến cao su. Theo kế hoạch sử dụng Quỹ KHCN giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các đề tài môi trường, đào tạo khoa học kỹ thuật và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho lao động quản lý của đơn vị.

Đặc biệt, đề tài nghiên cứu hệ thống quản lý doanh nghiệp toàn diện được kỳ vọng sẽ là bước nhảy vọt của Công ty trong chuyển đổi số toàn diện phục vụ yêu cầu quản lý trong thời đại công nghệ 4.0, đáp ứng chương trình chuyển đổi số quốc gia tới năm 2025 và định hướng tới năm 2030 của Chính phủ.

Bên cạnh những lợi ích của việc trích lập và sử dụng Quỹ KHCN đem lại cho doanh nghiệp, quá trình thực hiện trích lập và sử dụng Quỹ KHCN còn gặp phải các khó khăn, vướng mắc trong công tác tổ chức quản lý để tuân thủ đúng theo các quy định của cơ quan quản lý Nhà nước; còn nhiều rào cản làm cho Quỹ chưa phát huy hết

được ý nghĩa thực sự của nó là góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và đầu tư đổi mới công nghệ của Công ty.

Đơn cử như đối với đơn vị sản xuất chế biến cao su thiên nhiên, thiết bị công nghệ không thuộc các đối tượng cần chuyển giao công nghệ theo Luật Chuyển giao công nghệ, điểm này làm cho đơn vị không mạnh tay trong đầu tư các máy móc, thiết bị công nghệ mới vì sợ vướng quy định dẫn đến hệ lụy do việc quản lý và sử dụng Quỹ KHCN không đúng mục đích.

Để công tác nghiên cứu khoa học thực sự hiệu quả, doanh nghiệp cần phải thành lập bộ phận chuyên nghiên cứu phát triển. Trên cơ sở đó, tạo sự kết nối, cộng tác với các đơn vị khoa học và chuyên gia uy tín trên nhiều lĩnh vực để cùng hỗ trợ phát triển. Đó là yêu cầu bức thiết mà lãnh đạo Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng đang đặt ra để có được sự chuyên môn hóa trong công tác nghiên cứu khoa học.

Đối với doanh nghiệp, sẵn sàng đổi đầu với kinh tế tri thức là yêu cầu cấp bách để tồn tại và phát triển. Trích lập, quản lý và sử dụng hiệu quả Quỹ KHCN chính là góp phần phát huy chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp.

Song song đó, việc tổ chức quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học tại Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng cũng cần phải được kiện toàn để góp phần khuyến khích, động viên và nâng cao năng lực sáng tạo của đội ngũ công nhân lao động. Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển khả năng cạnh tranh, xây dựng Cao su Dầu Tiếng trở thành thương hiệu mạnh và có vị thế trên thương trường quốc tế. ▲

*Nguyễn Kỳ Nam
Phó Phòng TCKT,
Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng*

Khoa học và công nghệ góp phần BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Phát triển khu vực kinh tế xanh

Trong năm 2021, dịch bệnh covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, ảnh hưởng toàn diện mọi mặt, lĩnh vực của đời sống xã hội và hoạt động của ngành môi trường nói riêng. Theo đó, ngành tài nguyên và môi trường đã kịp thời xây dựng kịch bản ứng phó với tình hình dịch; nghiên cứu tháo gỡ khó khăn, rút ngắn thủ tục phục vụ sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, chú trọng triển khai các quy định bảo vệ môi trường, các giải pháp nâng cao công tác quản lý môi trường, tài nguyên khoáng sản; tăng cường ứng dụng công nghệ trong việc quản lý, thu gom và xử lý chất thải trên địa bàn.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý được ngành rất chú trọng, thể hiện qua Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường năm 2021; hệ thống máy chủ vận hành dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển thành phố thông minh tỉnh Bình Dương đã được xây dựng triển khai; tăng cường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trên các lĩnh vực chuyên môn và quản lý ngành, đặc biệt là trong giai đoạn dịch bệnh covid-19; thực hiện tốt công tác bảo mật hệ thống công nghệ thông tin tại các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Cung cấp thông tin, dữ liệu quy định, biên mục được 25.152 hồ sơ đăng ký biến động đất đai...

Trong thời gian qua, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các sở, ngành

và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nhiều giải pháp kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường trên hệ thống kênh, rạch, sông, suối như: Tất cả việc tạo lập và phê duyệt các quy hoạch đều được chú trọng lồng ghép các yêu cầu về bảo vệ môi trường; hạn chế thu hút bên ngoài khu, cụm công nghiệp, các khu vực không còn khả năng chịu tải về môi trường; các dự án đầu tư có ngành nghề gây ô nhiễm môi trường, các ngành nghề gia công sử dụng nhiều lao động. Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư có hàm lượng công nghệ cao, công nghệ hiện đại, tiên tiến, tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng.

Tập trung đầu tư 16/21 dự án liên quan công tác phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm kênh, rạch, sông, suối trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần giải quyết yêu cầu tiêu thoát nước và xử lý nước thải phát sinh từ dân cư trên địa bàn.

Tập trung giám sát thông qua hệ thống quan trắc tự động trong thời gian dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp; đồng thời tiếp tục mở rộng hệ thống quan trắc nước thải tự động để giám sát chặt chẽ các nguồn thải có lưu lượng nước thải từ 500m³/ngày, đến nay đã có 104 nguồn thải được lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, giúp kiểm soát được 85% lượng nước thải công nghiệp phát sinh trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường các cơ quan mặt trận, đoàn thể tỉnh ký kết về bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-

2025 để tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao công tác bảo vệ môi trường. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp về ứng phó biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường; đặc biệt là tuyên truyền, vận động, hỗ trợ các hộ đối nối nước thải vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung trên địa bàn Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An và Tân Uyên.

Kế hoạch thực hiện thí điểm phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn giai đoạn 2018-2020 đã hoàn thành, Sở TN&MT đang xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025, dự kiến hoàn thành vào Quý I/2022. Tiếp tục tăng cường quản lý và xử lý chất thải trong phòng, chống dịch covid-19...

Cơ cấu kinh tế dần chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao. Tỉnh cũng đã có chủ trương giao cho các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức hướng dẫn cho các hộ nông dân áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong việc trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm của cây ăn trái có múi... từng bước chuyển đổi dần thành nông nghiệp công nghệ cao trong thời gian



Nhà máy xử lý nước thải Thuận An

tới.

Để giải quyết tình trạng ô nhiễm của nước thải đô thị, Bình Dương đẩy mạnh hoàn chỉnh hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải; đã và đang triển khai xây dựng và đưa vào vận hành 04 nhà máy xử lý nước thải đô thị: Nhà máy xử lý nước thải thành phố Thủ Dầu Một có công suất xử lý 17.500 m³/ngày, đang triển khai nâng công suất từ 17.500 m³/ngày lên 32.000 m³/ngày (hiện đang thu gom, xử lý khoảng 14.500 m³/ngày); nhà máy xử lý nước thải Thuận An có công suất xử lý từ 17.000 m³/ngày (hiện đang thu gom, xử lý khoảng 9.866 m³/ngày); nhà máy xử lý nước thải Dĩ An có công suất xử lý 20.000 m³/ngày (hiện đang thu gom, xử lý khoảng 8.500 m³/ngày); nhà máy xử lý nước thải Dĩ An - Thuận An - Tân Uyên (khu vực miếu ông Cù) đã hoàn thành và đưa vào hoạt động từ cuối năm 2019, hiện đang thu gom, xử lý khoảng 3.000 m³/ngày. Riêng nhà máy xử lý nước thải thị xã Bến Cát đang triển khai xây dựng và dự kiến năm 2024 sẽ đưa vào hoạt động. Các khu dân cư, khu đô thị mới đều xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo đúng Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Đến nay, nước

thải đô thị được thu gom, xử lý đạt khoảng 70% lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh.

Song song với việc xây dựng các nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt đô thị thì trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh cũng đã đầu tư xây dựng mới các hệ thống thoát nước cho các khu vực chưa có hệ thống thoát nước, góp phần tiêu thoát nước mưa, nước thải sau xử lý của các cơ sở sản xuất kinh doanh làm giảm tình trạng ô nhiễm môi trường...

Với việc triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường trên đã góp phần khống chế gia tăng ô nhiễm, các nguồn thải công nghiệp cơ bản đã được kiểm soát, chất lượng nước đã được cải thiện, nồng độ chất ô nhiễm giảm từ 1,4 lần đến 4,4 lần; số lượng phản ánh về tình trạng ô nhiễm nguồn nước giảm khoảng 10% so với cùng kỳ.

Bên cạnh đó, việc kiểm soát được môi trường ngày hôm nay không thể không kể đến các chương trình, kế hoạch, đề tài dự án khoa học và công nghệ đã được triển khai trước đây như: Thực hiện cơ chế phát triển sạch (CDM) trong ngành chăn nuôi, xử lý rác, chế biến mủ cao su, thực phẩm nhằm giảm phát thải khí nhà kính; Nghiên cứu đề xuất công cụ phục vụ kiểm toán nhanh năng lượng, lồng ghép đánh giá tiềm năng sản xuất sạch hơn cho một số ngành công nghiệp chủ yếu của tỉnh Bình Dương; Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện mở rộng sử dụng các nguồn nguyên liệu thay thế, nhiên liệu sinh học áp dụng cho các lĩnh vực kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh; Nghiên cứu sử dụng chất thải công nghiệp làm nguyên liệu, nhiên liệu, phụ gia để sản xuất vật liệu xây dựng không nung, vật liệu nhẹ để từng bước thay thế gạch, ngói nung trên địa bàn tỉnh...



*Cán bộ lấy mẫu quan trắc nước mặt
 (nguồn: Báo Bình Dương)*

Tiếp nối những kết quả đạt được, trong thời gian tới, Bình Dương sẽ xây dựng quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Lập kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí, nước mặt trên địa bàn tỉnh. Tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; tổ chức, điều tra công bố Sách xanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2022. Tăng cường thẩm định, cho vay vốn bảo vệ môi trường đối với các dự án thuộc đối tượng; đôn đốc doanh nghiệp có liên quan thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

Tiếp tục vận hành, khai thác hiệu quả hệ thống các trạm quan trắc tự động nước thải, nước dưới đất, nước mặt tự động và trạm thủy văn Tân Uyên, trạm thủy văn Lái Thiêu; nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải tự động. Thực hiện công tác lấy mẫu chương trình quan trắc không khí, nước mặt, nước ngầm, trầm tích đáy, quan trắc đất năm 2022. Thực hiện tốt công tác lấy mẫu giám định; giám sát, phân tích và kiểm định, hiệu chuẩn theo yêu cầu. ▲

Tuyết Mai

Bình Dương:

HỆ THỐNG DỮ LIỆU KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ THÔNG MINH ĐƯỢC KẾT NỐI LIÊN THÔNG

*T*ỉnh Bình Dương là một trong những địa phương năng động về phát triển kinh tế, tốc độ đô thị hóa trên địa bàn phát triển rất cao; nhu cầu về công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch các khu đô thị và khu công nghiệp, quản lý đầu tư xây dựng các dự án là rất lớn, điều này đã tạo ra nhiều áp lực lên công tác quản lý đô thị trên địa bàn Tỉnh.

Giải quyết vấn đề xã hội

Trước nhu cầu và thực tế tốc độ đô thị hoá¹ trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành nhiều văn bản nhằm tăng cường công tác quản lý quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật. Cùng với đó, tỉnh cũng đã xây dựng và công khai các quy trình xây dựng tại các UBND huyện/thị xã/thành phố, góp phần giúp cho công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn đảm bảo tính công khai, minh bạch.

Tuy nhiên, cùng với việc ban hành các văn bản, cơ cấu lại bộ máy tổ chức ở các cấp, sự phát triển nhanh chóng của quá trình đô thị hoá, công tác quản lý quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật vẫn còn rất nhiều bất cập, đòi hỏi các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giải quyết thủ tục hành chính.

Để thực hiện hiệu quả công tác quản lý đô thị thì ngoài việc rà soát, bổ sung các quy trình nghiệp vụ quản lý cần có các công cụ để hỗ trợ, năm 2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã có văn bản 1910/UBND-VX cho phép triển khai dự án: “Xây dựng hệ thống thông tin địa lý và các phần mềm chuyên ngành xây dựng giai đoạn 1 - thí điểm trên địa bàn TP Thủ Dầu Một”; dự án được xem là một bước khởi tạo quan trọng nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành

xây dựng và phát triển hệ thống phần mềm ứng dụng trên nền tảng ứng dụng công nghệ GIS để phục vụ công tác quản lý quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Sau thành công của giai đoạn thí điểm, năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương tiếp tục cho triển khai dự án trên toàn địa bàn tỉnh thông qua việc ban hành Quyết định số 3045/UBND-VX về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và cho phép triển khai dự án: “Xây dựng hệ thống thông tin địa lý và các phần mềm chuyên ngành xây dựng giai đoạn 2” với mục tiêu hoàn thiện và đưa vào vận hành hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ công tác quản lý quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật trên toàn địa bàn. Đơn vị tư vấn triển khai dự án là Trung tâm Công nghệ Thông tin Địa lý DITAGIS, Trung tâm Khoa học – Công nghệ trực thuộc Trường Đại học Bách Khoa TP.HCM.

Thông qua dự án này, hệ thống cơ sở dữ liệu về quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch sử dụng đất các dự án phát triển đô thị trong toàn tỉnh đang từng bước được chuẩn hóa, hoàn chỉnh và nhất quán các dữ liệu ngành xây dựng trên trung tâm dữ liệu dùng chung của tỉnh Bình Dương. Đây cũng chính là nền tảng cơ bản để phát triển các ứng dụng trong quản lý nhà nước, ứng dụng trong giải quyết Thủ tục hành chính, tạo tiền

¹ Tỷ lệ đô thị hóa năm 2020 của tỉnh Bình Dương là 82%.

đề cho việc triển khai công tác quản lý hệ thống đô thị thông minh và bền vững.

Hệ thống được kết nối liên thông đến tận cơ sở

Đến nay Dự án: “Xây dựng hệ thống thông tin địa lý và các phần mềm chuyên ngành xây dựng” đã khởi tạo thành công hệ thống thông tin địa lý chuyên ngành xây dựng, hệ thống được cài đặt trên Trung tâm dữ liệu dùng chung của Tỉnh Bình Dương (do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý) và thực hiện các dịch vụ cung cấp dữ liệu. Các cá nhân, tổ chức có thể truy cứu hệ thống thông tin địa lý tại địa chỉ <http://gisxd.binhduong.gov.vn/>; và có thể tải ứng dụng xem và tra cứu thông tin quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, phản ánh xây dựng trên hệ điều hành IOS (apple store), Android (CH play).



Khối lượng dữ liệu đã được số hóa là rất lớn, bao gồm: 01 quy hoạch chung toàn tỉnh, 12 quy hoạch chung đô thị, 41 quy hoạch phân khu, 46 quy hoạch nông thôn mới và 577 quy hoạch chi tiết trên toàn Tỉnh; hơn 5.000 công trình xây dựng và các hồ sơ liên quan; dữ liệu về quy hoạch và hiện trạng khoáng sản làm vật liệu xây dựng; ngoài ra một khối lượng lớn các dữ liệu hạ tầng kỹ thuật trên toàn Tỉnh cũng đã được thu thập, chuẩn hóa và lưu trữ trong hệ thống như: hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống viễn thông, hệ thống chiếu sáng, công viên - cây xanh, môi trường đô thị,...

Mô hình hệ thống được xây dựng theo mô hình 3 lớp với đa nền tảng và đa ứng

dụng trên tất cả các thiết bị: máy tính để bàn, máy tính bản, điện thoại di động. Các phần mềm ứng dụng chuyên ngành được cài đặt trên máy tính người dùng tại các Phòng chuyên môn thuộc Sở Xây dựng và các Sở ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố. Các doanh nghiệp và người dân có nhu cầu sử dụng dữ liệu quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật có thể thao tác thông qua Web và các app chuyên ngành theo từng lĩnh vực thông qua mạng LAN, Internet hoặc mạng truyền số liệu chuyên dụng của Tỉnh.

Các chức năng, ứng dụng của hệ thống GIS đến nay đã cơ bản phục vụ cho từng nhiệm vụ của các phòng trực thuộc Sở Xây dựng gồm: Kiến trúc - Quy hoạch; Hạ tầng kỹ thuật và Phát triển đô thị; Nhà ở và thị trường Bất động sản; Hoạt động xây dựng; Kinh tế vật liệu xây dựng; Thanh tra; cung cấp các cơ sở dữ liệu về quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, thông tin nhà ở và bất động sản, nhà cao tầng, mô khoán sản và các phản ánh về sai phạm trong lĩnh vực xây dựng,... Đặc biệt các Sở, ngành trên địa bàn có thể trên cơ sở dữ liệu nền để triển khai các chương trình, ứng dụng của ngành, phục vụ công tác quản lý nhà nước theo ngành và lĩnh vực.



Ngoài kênh thông tin trực tuyến của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương, người dân có thể truy cập trực tuyến tại địa chỉ: quyhoachxaydung.binhduong.gov.vn để tra cứu các thông tin về quy hoạch xây dựng hoặc:

(Xem tiếp trang 38)



Ngành nông nghiệp Bình Dương:

Ứng dụng khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực vượt qua khó khăn giữ mức phát triển sản xuất ổn định

Trong năm 2021, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp và cung cầu nông sản; giá nông sản có nhiều biến động; đứt gãy trong khâu sản xuất, cung ứng nông sản bị tồn cục bộ và tiêu thụ chậm... Trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội, các hoạt động lưu thông, vận chuyển, kinh doanh được siết chặt để đảm bảo công tác phòng chống dịch. Chuỗi sản xuất, cung ứng nông sản bị đứt gãy. Việc lưu thông, tiêu thụ nông sản gặp khó khăn, dẫn đến một số nơi xảy ra tình trạng sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi giảm giá, tồn hàng cục bộ theo theo điểm xuất bán và thu hoạch.

Hiện Bình Dương đang bước vào giai đoạn bình thường mới, hoạt động lưu thông tương đối thuận lợi, các hoạt động sản xuất kinh doanh dần được hồi phục. Nhưng chuỗi sản xuất, cung ứng nông sản trên địa bàn tỉnh vẫn còn bị ảnh hưởng do gián đoạn đơn hàng của các hợp đồng thu mua; các

chợ đầu mối, chợ truyền thống hoạt động còn hạn chế; một số cơ sở hoạt động công suất thấp... nên một số trang trại, Hợp tác xã có lượng hàng tồn cục bộ, tiêu thụ chậm, giá bán thấp ảnh hưởng đến khả năng duy trì và tái sản xuất trong thời gian tới. Tuy nhiên, ngành nông nghiệp đã chủ động triển khai các giải pháp sản xuất, lưu thông, tiêu thụ sản phẩm và hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã vượt qua khó khăn, phục hồi và duy trì sản xuất.

Trong năm 2021, giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản tăng 2,4% - 2,6% so với năm 2020 (Kế hoạch cả năm 2021 là 2,5 - 3%). Duy trì tỷ lệ che phủ cây lâm nghiệp và cây lâu năm đạt 57,5% (Kế hoạch là 57,5%). Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%. Trong đó, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn Quốc gia là 89,5% (Kế hoạch là 89,5%). Duy trì 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng cao chất lượng các tiêu chí (đặc biệt là đối với các xã



đã được công nhận), ước đến cuối năm 2021: Có 10 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao; 100% huyện, thị xã đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Lĩnh vực trồng trọt

Diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 20.620 ha, giảm 1,4% so với cùng kỳ 2020. Diện tích gieo trồng cây lâu năm đạt 142.438 ha, giảm 0,3%. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất các loại cây trồng, các vùng sản xuất tập trung cây ăn quả, cây công nghiệp.

Tổng diện tích nhiễm các loại sâu bệnh trên một số cây trồng chính khoảng 9.849ha, giảm 29% so với cùng kỳ với mức độ nhiễm nhẹ đến trung bình nên không ảnh hưởng nhiều đến sinh trưởng và phát triển của cây trồng. Phối hợp các Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tăng cường công tác điều tra dự tính, dự báo, tập huấn hướng dẫn nông dân các biện pháp phòng trừ sâu bệnh trên các loại cây trồng.

Chăn nuôi - Thú y

Ngành chăn nuôi đã khuyến cáo các trang trại chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo an toàn sinh học, thực hiện tái đàn để đảm bảo nguồn cung ứng thực phẩm cho người tiêu dùng. Trong năm 2021, ngành chăn nuôi đã cung cấp cho thị trường khoảng 18.280 con trâu - bò thịt, tương

đương 1.465,5 tấn (đạt 80,3% so với năm 2020); 2.291.882 con heo thịt, tương đương 144.388,6 tấn (tăng 91,8% so với năm 2020); 26.019.669 con gia cầm lông, tương đương 41.631,5 tấn (đạt 40,53% so với năm 2020); 2.790 con dê, tương đương 55,6 tấn (tăng 47% so với năm 2020)... đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong và ngoài tỉnh.

Nông nghiệp đô thị - Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Diện tích ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt khoảng 5.763,5 ha với các loại cây trồng có giá trị như: Rau, nấm, cây ăn trái, hoa lan, cây cảnh. Diện tích nông nghiệp đô thị khoảng 172,2 ha với các loại cây trồng chủ yếu như: Rau thủy canh, rau mầm, nấm, hoa lan, cây cảnh.

Chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao tiếp tục phát triển với 146 trang trại đầu tư chăn nuôi gà giống, gà đẻ trứng và gà thịt với tổng đàn trên 8,4 triệu con, chiếm 65% tổng đàn; chăn nuôi heo thịt, heo giống chất lượng cao có 229 trang trại với tổng đàn gần 605 ngàn con, chiếm 68% tổng đàn; chăn nuôi vịt thịt có 30 trang trại với tổng đàn 394 ngàn con; chăn nuôi bò sữa có 01 trang trại với tổng đàn 1.050 con.

Thực hiện mô hình, dự án, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật

Tiếp tục triển khai thực hiện: Dự án “Xây dựng chuỗi sản xuất rau an toàn vùng phía Nam tỉnh Bình Dương giai đoạn 2020 - 2022” và “Phát triển vườn cây ăn quả đặc sản gắn với du lịch sinh thái vùng phía Nam tỉnh Bình Dương”; Đề án “Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bình Dương giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025”; Dự án “Hình thành vùng sản xuất và cung ứng các loại sinh vật cảnh vùng phía Nam Bình Dương giai đoạn 2018 - 2022”...

Tổ chức 04 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trồng theo hướng Vi-

etGAP tại thị xã Tân Uyên và huyện Dầu Tiếng với 160 lượt nông dân tham dự. Đồng thời đổi mới phương pháp và hình thức chuyển giao, tư vấn, hỗ trợ nông dân duy trì sản xuất bằng hình thức kết nối công nghệ thông tin qua các ứng dụng nhằm đảm bảo thực hiện tốt các quy định về phòng chống dịch Covid-19.

Phối hợp Đài Phát thanh Truyền hình Bình Dương thực hiện các chuyên đề thông tin tuyên truyền nhiệm vụ chính trị trên các lĩnh vực với 166 bài trên Chương trình Truyền hình Bạn nhà nông, Nông thôn ngày mới; Chương trình phát thanh trực tiếp nông nghiệp, nông thôn.

Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện các mô hình trồng trọt xanh theo Đề án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Đến nay đã hoàn thành công tác khảo sát, chọn hộ tham gia mô hình.

Quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm

Triển khai thực hiện các nội dung: Kế hoạch số 36/KH-BCĐATTP ngày 24/12/2020 của Ban chỉ đạo An toàn thực phẩm về việc triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Tân Sửu và mùa Lễ hội Xuân 2021; Quyết định số 184/QĐ-BNN-QLCL ngày 12/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Ban hành Kế hoạch hành động bảo đảm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2021”; Kế hoạch của Ban Chỉ đạo 389 tỉnh Bình Dương về cao điểm đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trước, trong và sau tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 (Kế hoạch số 202/KH-BCĐ389 ngày 30/12/2020); Kế hoạch số 11/KH-BCĐ-ATTP ngày 22/3/2020 của Ban Chỉ đạo an toàn thực phẩm tỉnh Bình Dương về “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2021 và tăng cường chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả

trong hoạt động thương mại điện tử...

Phối hợp với các đơn vị liên quan thành lập 04 đoàn thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp đối với 22 tổ chức, 36 cá nhân. Đã xử phạt 12 trường hợp (04 tổ chức, 8 cá nhân) với tổng số tiền xử phạt là 119,16 triệu đồng và trình UBND tỉnh ban hành 01 quyết định xử phạt 01 tổ chức sản xuất phân bón không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, sản xuất phân bón không có Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam với tổng số tiền 280 triệu đồng.

Công tác kiểm tra an toàn thực phẩm trước, trong và sau Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021: Toàn ngành đã thành lập 02 đoàn, thực hiện kiểm tra đối với 12 tổ chức, 19 cá nhân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp; Đã xử phạt 04 tổ chức với tổng số tiền phạt là 35 triệu đồng.

Công tác kiểm tra an toàn thực phẩm trong tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2021: Toàn ngành đã thành lập 07 đoàn kiểm tra công tác đảm bảo an toàn thực phẩm đối với 522 cá nhân và 23 tổ chức. Qua kiểm tra đã phát hiện 56 cá nhân, 03 tổ chức vi phạm quy định pháp luật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm; đã xử phạt 03 tổ chức với tổng số tiền 3,5 triệu đồng, kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện xử phạt 56 cá nhân với tổng số tiền 196,6 triệu đồng.

Thực hiện truy xuất nguồn gốc thực phẩm chay không đảm bảo an toàn phẩm, ngành Nông nghiệp đã phối hợp với các đơn vị chức năng có liên quan thành lập 02 Đoàn giám sát, lấy 16 mẫu thực phẩm chay tại 05 cơ sở chế biến, 09 cửa hàng kinh doanh thực phẩm trên địa bàn các thành phố: Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An. Kết quả kiểm nghiệm: 16 mẫu thực phẩm chay không có vi khuẩn Clostridium botulinum

và độc tố Botulinum).

Kiểm tra dư lượng thuốc BVTV trên 134 mẫu rau, quả tại các siêu thị, các hộ trồng rau trên địa bàn các huyện, thị, thành phố. Kết quả phát hiện 07 mẫu có dư lượng thuốc trừ sâu nhưng ở mức an toàn.

Thực hiện 3.585 lượt thanh kiểm tra về kinh doanh động vật, sản phẩm động vật, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, kiểm tra các chợ, kiểm tra an toàn thực phẩm, công tác phòng chống dịch tại các trang trại chăn nuôi và điều kiện vệ sinh thú y tại các lò mổ gia súc, gia cầm tập trung. Qua kiểm tra phát hiện 502 vụ vi phạm, trong đó xử phạt 1,48 tỷ đồng/413 vụ, nhắc nhở 89 vụ, đồng thời tiêu hủy 1.073 kg thịt các loại.

Tổ chức xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho 737 người lao động của 17 cơ sở sản xuất kinh doanh. Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho 40 cơ sở sản xuất kinh doanh. Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng đủ điều kiện buôn bán phân bón, thuốc BVTV cho 12 cơ sở sản xuất kinh doanh.

Thủy lợi - xây dựng cơ bản

Trung tâm Đầu tư, Khai thác thủy lợi và Nước sạch nông thôn làm 10 dự án với tổng vốn đầu tư 51.850 triệu đồng: Dự án Đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc giám sát tự động, trực tuyến tại các trạm cấp nước tập trung nông thôn; Dự án Nâng công suất nhà máy, đầu tư các tuyến ống nhánh công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Bạch Đằng, xã Thạnh Hội, thị xã Tân Uyên; Dự án Đầu tư mở rộng tuyến ống cấp nước xã Tân Định; Đầu tư thêm các tuyến ống nhánh công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Hiếu Liêm; Nâng công suất nhà máy Phước Sang, đầu tư thêm các tuyến ống nhánh công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Tân Hiệp, xã Phước Sang; Đầu tư thêm các tuyến ống

nhánh công trình cấp nước tập trung nông thôn xã An Thái; Nâng công suất nhà máy, đầu tư thêm các tuyến ống nhánh công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Tân Long; Đầu tư thêm các tuyến ống nhánh công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Bình Mỹ, xã Tân Bình; Đầu tư thêm tuyến ống nhánh công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Long Tân, xã Định Hiệp; Dự án Nâng công suất nhà máy, đầu tư thêm các tuyến ống nhánh công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Minh Thạnh.

Phát triển nông thôn - xây dựng nông thôn mới

Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được đẩy mạnh, đạt được kế hoạch đề ra: Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được quan tâm đầu tư, đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn ngày một nâng lên; an sinh xã hội được quan tâm và thực hiện tốt... Tiếp tục duy trì và nâng chất các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí nâng cao của tỉnh. Đến nay: 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 07 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 01 huyện, 02 thị xã đã được công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới và thị xã hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới. Thu nhập bình quân của dân cư nông thôn năm 2021 đạt 73 triệu đồng/người/năm.

Các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tiếp tục được đổi mới, phát triển: Trong năm 2021, thành lập mới 04 và giải thể 02 Hợp tác xã. Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh có 67 Hợp tác xã với 948 thành viên (tăng 10 trang trại so với cuối năm 2019, trong đó có 02 Hợp tác xã: Ôi Thanh Kiên và cây ăn quả Tân Mỹ đạt Danh hiệu thương hiệu vàng nông nghiệp Việt Nam), tổng vốn điều lệ trên 192 tỷ đồng. Số Tổ hợp tác nông nghiệp là 102 với 930 thành viên. Tổng số trang trại là 643

(theo tiêu chí trang trại quy định tại Thông tư số 02/2020/TT-BNN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong đó: Trồng trọt 98; Chăn nuôi 539; Thủy sản 03 và tổng hợp 03) tổng diện tích đất sản xuất trên 3.457,2 ha với khoảng 2.401 lao động thường xuyên.

Thực hiện hỗ trợ kết nối tiêu thụ nông sản cho các Doanh nghiệp, HTX, trang trại thông qua các kênh phân phối tại các điểm Bru cục, xe bán hàng lưu động, giới thiệu đến các đơn vị thu mua; tham gia trên các sàn thương mại điện tử và thông qua Tổ công tác 970 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,...

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 - 2025; trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP đợt 1 năm 2021. Trong đó công nhận 28 sản phẩm (08 sản phẩm 04 sao và 20 sản phẩm 03 sao).

Triển khai thực hiện Kế hoạch thí điểm xây dựng Làng thông minh trên địa bàn xã Bạch Đằng năm 2021: UBND thị xã đã phê duyệt kinh phí cho UBND xã Bạch Đằng tổ chức thực hiện Đề án xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025 gắn với xây dựng thí điểm Làng thông minh...

Định hướng trong thời gian tới

Năm 2022, ngành Nông nghiệp đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm vừa đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid-19, vừa duy trì và phục hồi sản xuất nông nghiệp, tránh làm đứt gãy các chuỗi cung ứng nông sản, thực phẩm. Trong đó, ngành triển khai các nhiệm vụ trọng tâm:

Thực hiện Đề án "Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bình Dương giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025".

Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đảm bảo giữ vững và nâng chất các tiêu chí đã đạt theo Bộ tiêu chí nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Làng thông minh xã Bạch Đằng.

Và các Chương trình, kế hoạch, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh (Hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; nội dung và mức cho hỗ trợ hoạt động khuyến nông; Chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Dương; Chính sách hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; Chương trình chuyển đổi số trong nông nghiệp; Nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái...).

Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và triển khai công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm hàng hóa nông sản và vật tư nông nghiệp.

Đẩy mạnh việc ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ ứng dụng các hoạt động giao dịch thương mại điện tử nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ cho một số sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nông sản có tiềm năng, lợi thế của tỉnh theo Kế hoạch số 3248/KH-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh.

Hỗ trợ, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh, giảm thiểu tối đa số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản do tác động bởi dịch Covid -19 theo tinh thần Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 của Chính phủ. ▲

Ngọc Trang

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Trường Đại học Thủ Dầu Một

Năm học 2020 - 2021

Trong năm 2021, hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường đại học Thủ Dầu Một đã thực hiện đúng chiến lược nghiên cứu của Nhà trường bao gồm các chiến lược nghiên cứu về Đông Nam bộ - Vùng Thành phố Hồ Chí Minh; Thành phố thông minh, Đại học thông minh; Nông nghiệp đô thị - Bản địa - Chất lượng cao; Chất lượng giáo dục; Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; Ảnh hưởng tác động của đại dịch COVID-19 đến đời sống xã hội. Kết quả năm 2021 đã thu hút nâng cao tỷ lệ giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học đạt 90,43%, sinh viên đạt 30,32%. Đây là một sự nỗ lực rất lớn, đáng khích lệ và tự hào của lãnh đạo, cán bộ, giảng viên và học viên Nhà trường.

Kết quả hoạt đạt được

Hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên, hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học

Năm 2021, Trường triển khai thực hiện 160 đề tài khoa học và công nghệ cấp trường, trong đó số đề tài được ký hợp đồng thực hiện là 68 đề tài, số đề tài nghiệm thu là 38 đề tài. Các đề tài được nghiệm thu bao gồm các lĩnh vực giáo dục, môi trường, kinh tế, xã hội. Kết quả của các nghiên cứu khoa học cấp trường vừa có thể giúp cho các cán bộ giảng viên trong Trường tham gia vào nghiên cứu khoa học, tích lũy điểm nghiên cứu, cung cấp tư liệu tham khảo trong học tập và giảng dạy còn giúp cho việc đào tạo các sinh viên tham gia cùng nghiên cứu, làm quen với nghiên cứu khoa học.

Các Nhóm nghiên cứu mạnh tuy mới được thành lập vào đầu năm, trong năm 2021 cũng đã thực hiện ký kết được 08 hợp

đồng nghiên cứu khoa học và công nghệ. Các lĩnh vực nghiên cứu tập trung vào lĩnh vực giáo dục học, STEM; nghiên cứu những vấn đề xã hội, cơ hội và thách thức của nền kinh tế tỉnh Bình Dương trong bối cảnh dịch Covid 19; nghiên cứu về vật liệu mới, mô hình và mô phỏng theo hướng dữ liệu các quá trình gia công chế tạo; tối ưu hóa các quá trình điều khiển.

Về nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ/Tỉnh, Nhà nước, Trường đã và đang đăng ký, thực hiện tổng số 24 nhiệm vụ; 01 dự án do VinIF tài trợ, 01 đề tài độc lập cấp Nhà nước, 02 đề tài do Nafosted tài trợ, 01 đề tài cấp tỉnh Bến Tre, 02 dự án do Erasmus+ tài trợ (V2Work và Chiếu sáng thông minh) được giao chủ trì thực hiện; 15 đề tài đang trong quá trình xét duyệt đề xuất, giao nhiệm vụ nghiên cứu (05 đề tài Nafosted đề xuất thực hiện, 03 đề tài cấp tỉnh Bình Dương tham gia tuyển chọn thực hiện, 07 đề xuất đề tài cấp tỉnh). Trong đó đề tài

nghiên cứu của PGS.TS Nguyễn Văn Hiệp và cộng sự về “Lịch sử Bình Dương” đã được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương nghiệm thu cấp tỉnh và cấp giấy xác nhận kết quả, đây là một nguồn tư liệu lớn phục vụ cho tham khảo, nghiên cứu và học tập trong lĩnh vực lịch sử và văn hóa xã hội của Bình Dương cũng như cho các nhà sử học trong và ngoài nước.

Hoạt động Biên soạn tài liệu và công bố khoa học, hội thảo, hội nghị khoa học

Năm nay, Trường có 47 tài liệu được triển khai thực hiện. Trong đó, số tài liệu được ký hợp đồng biên soạn là 15 tài liệu, số tài liệu được nghiệm thu là 09 tài liệu.

Tổng số lượng bài báo của cán bộ, giảng viên của Trường và cán bộ hợp tác nghiên cứu khoa học trong năm đã công bố trên các tạp chí quốc tế là 446 bài (với 285 bài của CBGV trong trường, 161 bài của CBHT NCKH (chiếm 36,1%)). Trong đó: 174 bài có tác giả chính (hoặc tác giả liên hệ) là CBGV cơ hữu của Trường và 123 bài có tác giả chính (hoặc tác giả liên hệ) là CBHT. Tổng số bài báo đăng trên các tạp chí trong nước của CBGV toàn trường là 332 bài.

Trường đã tổ chức 18 hội thảo, hội nghị khoa học (02 quốc tế, 03 quốc gia, 13 cấp

trường), 01 tọa đàm quốc tế, 02 ngày hội khoa học, 01 Triển lãm Mỹ thuật và 01 Chương trình “Nâng cao năng lực viết bài công bố quốc tế”. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid 19, đa số các hội thảo, hội nghị được tổ chức thành công bằng hình thức trực tuyến, thu hút sự tham gia của nhiều người và được các đại biểu, đối tác ngoài trường đánh giá cao về công tác tổ chức.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của các cá nhân, đơn vị hợp tác

Trường đã ký hợp đồng hợp tác NCKH với 61 nhà nghiên cứu ngoài trường. Hiện tại, tổng số CBHT NCKH là 87 người. Các CBHT tham gia vào các chương trình nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh cùng thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ (KH&CN) theo định hướng của Nhà trường, đề xuất đăng ký thực hiện đề tài cấp tỉnh, đề tài Nafosted, công bố kết quả nghiên cứu mới trên các tạp chí ISI, Scopus... Có 161 bài báo ISI, Scopus được CBHT công bố trong năm học 2020-2021.

Viện Phát triển Chiến lược đang hợp tác với hai chuyên gia nước ngoài Zafar Mohammed và Alberto Mendizabal để tổ chức các lớp tập huấn nâng cao kỹ năng viết bài học thuật công bố quốc tế với mục tiêu là tăng cường khả năng viết bài công bố quốc tế cho đội ngũ giảng viên (GV) của trường. Hiện nay, Viện đang phối hợp với chuyên gia Alberto để thực hiện các đề tài Lớp học thông minh và Khảo sát tiền dự án đào tạo sinh viên (SV) trở thành nguồn nhân lực.

Hoạt động sở hữu trí tuệ, ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Hoạt động đăng ký sở hữu trí tuệ (SHTT) đã được Nhà trường thực hiện từ năm 2018. Đặc biệt, từ giữa năm 2020 đến nay, Viện Phát triển Ứng dụng và các cá



nhân đã thực hiện đăng ký 03 nhãn hiệu, 03 giải pháp hữu ích, 03 sáng chế và 04 kiểu dáng công nghiệp. Hiện tại, Trường có 14 đối tượng sở hữu trí tuệ đã thực hiện đăng ký, trong đó có 01 Nhãn hiệu (“Đại học Thủ Dầu Một THU DAU MOT UNIVERSITY 2009” (Nhóm hàng hóa/ dịch vụ: 41, 42)) được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký, 01 Kiểu dáng công nghiệp (Hộp trà Thảo dược Đông trùng linh chi) được cấp Bằng độc quyền. Tháng 7/2020, ThS. Ngô Bảo (khoa Kiến trúc) cũng được cấp Bằng độc quyền Giải pháp hữu ích “Môđun giàn giáo xếp” (tác giả tự túc kinh phí và thủ tục đăng ký).

Năm 2021, Nhà trường có 07 hợp đồng chuyển giao công nghệ, 10 hợp đồng thực hiện dịch vụ KH&CN liên quan đến chuyển giao công nghệ xây dựng nhà trồng nấm và phôi nấm ăn, nấm dược liệu tại các tỉnh và Bình Dương cho các hộ sản xuất và doanh nghiệp, liên quan đến thiết kế công trình, thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng thi công tại công trình với tổng giá trị thực hiện là gần 2,5 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

+ Từ 01/2021 đến nay, Viện Phát triển Ứng dụng thực hiện được 06 hợp đồng chuyển giao công nghệ, tổng trị giá (bao gồm cả chi phí thực hiện) tổng trị giá 1,04 tỷ đồng, bao gồm chuyển giao công nghệ xây dựng nhà trồng nấm và phôi nấm ăn, nấm dược liệu tại các tỉnh và Bình Dương cho các hộ sản xuất và doanh nghiệp.

+ Từ 6/2020 đến nay, Trung tâm Kiểm định và Tư vấn Xây dựng thực hiện được 08 hợp đồng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng thi công tại công trình cho các đối tác là các công ty xây dựng có công trình xây dựng trong địa bàn tỉnh Bình Dương, tổng trị giá (bao gồm cả chi phí thực hiện) tổng trị giá 421 triệu đồng; thực hiện được 01 hợp đồng chuyển

giao công nghệ, tổng trị giá (bao gồm cả chi phí thực hiện) tổng trị giá 99 triệu đồng, bao gồm chuyên giao công nghệ bộ mô hình cần trục tháp và vận thăng xây cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO; thực hiện được 02 hợp đồng thiết kế công trình cho đối tác là Ban Quản lý Dự án huyện Dầu Tiếng tỉnh Bình Dương, tổng trị giá (bao gồm cả chi phí thực hiện) tổng trị giá 920 triệu đồng.

Ngoài ra, công tác phát triển các công thức sản phẩm tiếp tục được phát triển từ kinh phí thu được từ chuyển giao công nghệ của Viện Phát triển Ứng dụng, như các công thức mới về mỹ phẩm, thực phẩm, thực phẩm chức năng nấm, tảo...; công tác thí nghiệm và thiết kế tiếp tục được Trung tâm Kiểm định và Tư vấn Xây dựng phát triển hứa hẹn đưa đến nhiều hợp đồng chuyển giao có giá trị ứng dụng và kinh tế.

Kết quả nghiên cứu và chuyển giao của các Viện/ Trung tâm theo định hướng của Nhà trường đã tạo được niềm tin với doanh nghiệp và người tiêu dùng, và khẳng định định hướng đúng đắn của Trường trong hỗ trợ phát triển ứng dụng. Các đề tài của SV và CBGV cũng được định hướng dần theo hướng khả thi trong ứng dụng để làm nguồn tài nguyên chuyển giao cho trường sau này. Các kết quả nghiên cứu đề tài cấp Trường của CBGV được ứng dụng làm tài liệu giảng dạy, tham khảo phục vụ công tác đào tạo hoặc chuyển giao kết quả NCKH trong hoạt động khởi nghiệp.

Hoạt động nghiên cứu khoa học cho sinh viên, học viên sau đại học, các vườn ươm nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp sáng tạo

Trong năm học, SV đề xuất 06 đề tài, thực hiện 06 đề tài, nghiệm thu 05 đề tài, HV thực hiện 03 đề tài, NCS thực hiện 01 đề tài theo phương thức đề tài cấp Trường. Đối với đề tài NCKH SV, có 380 đề tài

được đề xuất, 325 đề tài được giao thực hiện, 195 đề tài đã nghiệm thu. Có 214 báo cáo tốt nghiệp (BCTN) đạt trên 8,0 điểm đề nghị được thưởng theo mức kinh phí đề tài NCKH SV.

Học viên sau đại học của Trường đã công bố 14 bài báo khoa học trên các tạp chí trong nước, 77 báo cáo khoa học trong kỷ yếu Ngày hội Khoa học CBGV và học viên sau đại học lần V - năm 2021. Các nhóm SV cũng công bố 01 báo cáo khoa học trong kỷ yếu hội thảo quốc tế, 01 bài báo trên tạp chí quốc tế (trực tuyến), 02 bài báo trên Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một phiên bản tiếng Anh, 04 bài báo trên các tạp chí trong nước và 75 bài báo cáo từ kết quả thực hiện đề tài NCKH SV trong tập Kỷ yếu của Ngày hội Sáng tạo và Khởi nghiệp lần IX - năm 2021.

Hoạt động khởi nghiệp sáng tạo trong SV là hoạt động quan trọng và cần thiết của công tác đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Trong năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã ban hành các kế hoạch đào tạo, triển khai hoạt động khởi nghiệp sáng tạo dành cho SV Trường như: Chương trình học tập thực tế “Startup Open Day 2020” tại Khu Công nghiệp Phần mềm ĐHQG TP. Hồ Chí Minh với 29 SV đại diện các nhóm ý tưởng/ dự án tham gia khóa đào tạo và 53 SV tham gia chương trình học tập thực tế Startup Open Day 2020; Khóa tập huấn đào tạo trực tuyến cung cấp các kiến thức nền tảng về xây dựng dự án khởi nghiệp dành cho SV với 132 SV tham gia. Nhà trường đã tổ chức Cuộc thi TDMU Startup Innovation 2020 với 72 ý tưởng đến từ 280 SV đăng ký tham gia tại vòng Sơ tuyển ở các lĩnh vực như: khoa học công nghệ, nông nghiệp, giáo dục y tế, dịch vụ du lịch, kinh doanh tạo tác động xã hội và lĩnh vực khác; 40 ý tưởng tham gia vòng đào tạo; 20 ý tưởng tham gia vòng Bán kết; 13 ý tưởng tham gia vòng Chung kết ý tưởng. Ban Tổ chức đã trao 05 giải cho 05 dự án xuất sắc

nhất tại vòng Chung kết đề án kinh doanh.

Phối hợp Tỉnh Đoàn Bình Dương tổ chức Cuộc thi khởi nghiệp với chủ đề Bình Dương Startup Innovation 2020 dành cho SV đang học tập trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Kết quả: 77 SV (25 ý tưởng) đăng ký tham gia cuộc thi, 01 ý tưởng đạt giải Nhất (đề tài “Xà phòng đa năng, chiết xuất từ hoa dâm bụt”), 01 ý tưởng đạt giải Nhì và 04 ý tưởng đạt giải Khuyến khích. Các dự án của SV Trường cũng tham gia cuộc thi khởi nghiệp các cấp và đạt kết quả đáng khích lệ như: Dự án Kẹo dẻo hỗ trợ phòng chống đột quỵ C-Nato đạt Top15 SV.Startup 2020 (do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức) và đạt Giải nhì Cuộc thi Khởi nghiệp Quốc gia 2020...

Trường tham gia Dự án quốc tế V2WORK - Dự án Tăng cường hệ thống giáo dục Việt Nam nhằm hỗ trợ khả năng tìm kiếm việc làm và kỹ năng khởi nghiệp của SV tốt nghiệp. Đồng thời, trở thành thành viên của mạng lưới VEES-NET - một mạng lưới hợp tác giữa 08 trường đại học hàng đầu Việt Nam nhằm giúp SV tìm được công việc phù hợp với trình độ chuyên môn sau khi tốt nghiệp và hỗ trợ các trí thức trẻ vượt qua những thách thức ban đầu trên con đường khởi nghiệp. Phối hợp cùng Hội đồng Tư vấn và Hỗ trợ Khởi nghiệp Quốc gia phía Nam, Hội đồng Anh tại Việt Nam, Sở KH&CN tỉnh Bình Dương, Trung tâm Sáng kiến Cộng đồng và Hỗ trợ Khởi nghiệp tỉnh Bình Dương, mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp, vườn ươm, các trường đại học tại Việt Nam trong việc phát triển hoạt động khởi nghiệp sáng tạo cho SV và đào tạo đội ngũ GV về khởi nghiệp. Nhà trường cũng tổ chức Chương trình giao lưu khởi nghiệp dành cho SV với chủ đề “Làm sao để khởi nghiệp thành công?” lần III - năm 2020 với 09 diễn giả, khách mời là những doanh nhân, thành viên thuộc Hội đồng Tư vấn và Hỗ trợ Khởi nghiệp Quốc

gia phía Nam cùng 600 SV tham gia.

Hoạt động hợp tác khoa học và công nghệ (doanh nghiệp và quốc tế)

Nhóm nghiên cứu mạnh “Mô hình và mô phỏng theo hướng dữ liệu các quá trình gia công chế tạo” (gọi tắt MaSDA, thuộc Viện Phát triển Chiến lược) hiện đang định hướng thiết lập các mối quan hệ hợp tác quốc tế thông qua các dự án phi chính phủ, dự án có vốn đầu tư nước ngoài và công ty nước ngoài, liên kết với các trường đại học nước ngoài, khu vực Châu Á tổ chức các hội thảo quốc tế, công bố chung các kết quả NCKH với các nhà khoa học ngoài nước (như Hội nghị quốc tế RICE 2021, Tạp chí quốc tế International Journal Machine Learning and Networked Collaborative Engineering), nộp hồ sơ đăng kí đề tài NCKH Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia (Nafosted), dự án hợp tác khoa học song phương Việt Nam - Vương quốc Bỉ, hợp tác với các chuyên gia nước ngoài trên nhiều lĩnh vực nhằm học hỏi kinh nghiệm, sáng tạo trong quá trình nghiên cứu và ứng dụng.

Từ hoạt động hợp tác trong nước và nước ngoài giữa các nhóm NCKH của Trường với vai trò nhóm nghiên cứu mạnh (NCM) hoặc chương trình nghiên cứu, các CBGV tham gia nhóm đã bước đầu kết nối, hợp tác với bên ngoài trong việc gia tăng số lượng công bố bài báo quốc tế uy tín. Một số nhóm nghiên cứu đã có kế hoạch về tổ chức hội thảo trực tuyến, hoặc trực tiếp làm việc sau khi hết dịch bệnh Covid như: các nhóm NCM về Vật lý, Sinh học các hợp chất tự nhiên, Toán ứng dụng, các chương trình nghiên cứu về Nấm tảo, Hóa học, Thực phẩm, Dinh dưỡng...

Hệ thống tính toán hiệu năng cao của Trường Đại học Thủ Dầu Một (gọi tắt là TDMU HPCC) đặt tại Trung tâm Công nghệ Thông tin đã được sử dụng để hợp tác tổ chức Khóa học trực tuyến quốc tế Inter-

national Virtual Courses 2020 “Basic and Applied Nanotechnology from Computational to Experimental Method”, được đồng tổ chức bởi Viện Công nghệ Bandung - Indonesia, Đại học Osaka - Nhật Bản, Trường Đại học Thủ Dầu Một - Việt Nam và Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội - Việt Nam. Trong khóa học này, Hệ thống TDMU HPCC đại diện cho đơn vị đồng tổ chức chính của phía Việt Nam đã cấp phát tài nguyên cho 27 học viên trong 03 buổi thực hành về mô phỏng vật liệu do các GS của trường Đại học Osaka - Nhật Bản hướng dẫn. Ngoài ra, hệ thống TDMU HPCC cũng đang được sử dụng làm cơ sở tính toán cho các buổi thực hành mô hình và mô phỏng cho 02 hội nghị liên trường sắp diễn ra vào tháng 10/2021 và 11/2021, được tổ chức bởi Viện Phát triển Ứng dụng, Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Tháng 10/2020, Nhà trường và Công ty TNHH Công nghệ Sinh học Sài Gòn Xanh - TRIBAT (là một doanh nghiệp có uy tín chuyên cung cấp các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực xử lý môi trường và nông nghiệp đô thị, với các sản phẩm chính mang thương hiệu Tribat) đã ký kết Bản ghi nhớ hợp tác. Việc hợp tác trực tiếp với các doanh nghiệp sẽ giúp cho Nhà trường có thể triển khai được các đề tài, dự án nghiên cứu mang tính ứng dụng cao hoặc chuyên giao được các kết quả NCKH phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp, địa phương đồng thời doanh nghiệp cũng góp phần hỗ trợ cho Nhà trường trong các hoạt động đào tạo như: phối hợp nhận SV đến thực tập, thực hiện đề tài tốt nghiệp, giới thiệu cán bộ của doanh nghiệp tham gia giảng dạy, đánh giá SV ở các học phần phù hợp...

Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ (tạp chí, trung tâm dữ liệu)

Từ tháng 7/2020 đến tháng 6/2021, Tạp

chí đã xuất bản 6/6 kỳ tạp chí bản in (đăng 67 bài báo khoa học tiếng Việt) và xuất bản 4/4 kỳ tạp chí điện tử (đăng 41 bài báo khoa học tiếng Anh). Ban Xuất bản phối hợp xuất bản: 01 quyển sách chuyên khảo, 09 quyển sách tham khảo, 02 quyển sách dịch và xuất bản (có bản quyền), 04 quyển sách kỹ yếu hội thảo khoa học (164 bài tham luận)...

Tài nguyên của Hệ thống TDMU HPCC là cơ sở xương sống để các nhà khoa học tính toán tiến hành các nghiên cứu chuyên sâu về các bài toán mô hình mô phỏng. Cụ thể, tài nguyên của hệ thống đã được các nhà khoa học trong trường sử dụng để đạt được các chỉ tiêu khoa học quan trọng như sau: 16 bài báo ISI/Scopus, 01 chương sách, 11 báo cáo hội nghị/hội thảo, 16 đề tài cấp Trường (trong đó có 03 đề tài của nhóm nghiên cứu mạnh), 01 dự án VINIF, 02 đề tài Nafosted đã nộp đề xuất tháng 6/2021. Tài nguyên Hệ thống TDMU HPCC còn là cơ sở rất quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học các chuyên ngành khoa học tính toán. Có 02 luận án NCS chuyên ngành Vật lý tính toán, 01 luận án NCS chuyên ngành Tin-Sinh học, 02 luận án NCS chuyên ngành Khoa học tính toán, 01 luận văn cao học chuyên ngành Vật lý tính toán, 22 BCTN đại học chuyên ngành Vật lý, 03 lớp tập huấn, 03 học phần đại học sử dụng tài nguyên của hệ thống để thực hiện hoặc hướng dẫn người học thực hiện. Tài nguyên của Hệ thống TDMU HPCC cũng đã đóng góp tích cực cho cộng đồng học thuật như: hỗ trợ cho các khóa tập huấn/hội nghị khoa học quốc tế, hỗ trợ cho các học viên/nghiên cứu sinh ở các trường đại học (được đồng hướng dẫn bởi các nhà khoa học của Trường) để thực các luận văn/luận án, hợp tác và hỗ trợ phát triển nghiên cứu cho các nhà khoa học tính toán ở các đơn vị nghiên cứu trong nước đang gặp khó khăn về tài nguyên nghiên cứu để thực hiện các công trình nghiên cứu chung

với các nhà khoa học của Trường...

Trung tâm Học liệu tiếp tục được đầu tư phát triển nhằm phục vụ tốt hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu của CBGV và người học. Năm học 2020 - 2021, Trung tâm tiếp tục cập nhật bổ sung theo từng số phát hành 73 tạp chí chuyên ngành, 1.286 nhan đề 3.945 bản sách giấy và 51 ebook ngoại văn, mua quyền truy cập các cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước với tổng kinh phí hơn 1,5 tỷ đồng. Tiếp nhận 149 bản giấy và 367 file mềm các loại khóa luận, luận văn, đề tài NCKH của CBGV, học viên sau đại học và SV. Xin tài trợ 32 nhan đề 160 bản sách ngoại văn về khoa học kỹ thuật trị giá 493 triệu đồng của TS. Võ Tá Hân. Trung tâm đã chuyển hơn 25.000 file toàn văn lên Trang Học liệu số để bạn đọc tra cứu và sử dụng thuận tiện hơn. Xây dựng 04 cơ sở dữ liệu (CSDL) toàn văn (Chương trình đào tạo, Nghiên cứu khoa học, Đông Nam Bộ và Bài báo tạp chí) giúp bạn đọc dễ dàng tìm thông tin theo chủ đề. Đưa vào sử dụng thiết bị hỗ trợ SV tự mượn trả tài liệu, mua tài liệu đáp ứng nhu cầu trong thời điểm dịch bệnh. Cấp mới 452 tài khoản sử dụng Trang Thư viện số (có hơn 12.000 lượt tài liệu được tải về từ trang này), phục vụ hơn 16.000 lượt mượn tài liệu về nhà, đặc biệt Trang Học liệu số có hơn 1.800.000 lượt truy cập sử dụng. Trong năm học, Trung tâm hợp tác chia sẻ với Thư viện Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, tham gia vào Dự án Thư viện điện tử dùng chung khối ngành Kinh tế Quản lý và hiện đang được sử dụng 02 CSDL chuyên ngành thuộc dự án này, nâng tổng số CSDL trong và ngoài nước mà bạn đọc có quyền truy cập lên 09 CSDL, đơn vị tổ chức có hợp tác là 06. Do khả năng sử dụng của bạn đọc nói chung còn hạn chế nên chưa khai thác triệt để nguồn dữ liệu đa dạng và phong phú này.

Về tin học hóa công tác quản lý hoạt động KH&CN, được sự đồng ý chủ trương

của lãnh đạo Trường, từ đầu năm 2021, Phòng Khoa học đã phối hợp với nhóm phát triển phần mềm quản lý của Trường Đại học Bách khoa – ĐHQG TP.HCM để đặt hàng xây dựng Hệ thống phần mềm quản lý hoạt động KH&CN của Trường Đại học Thủ Dầu Một (bao gồm các phân hệ chức năng: Quản lý Đề tài NCKH của CBGV, Quản lý Đề tài NCKH của người học, Quản lý các nhóm nghiên cứu và hợp tác nghiên cứu, Quản lý Lý lịch khoa học và Kế khai các hoạt động khoa học, Quản lý Kết quả NCKH). Đồng thời viên chức của đơn vị (ThS. Cao Thanh Xuân) cũng đề xuất vào danh mục năm 2021 đề tài “Xây dựng ứng dụng tra cứu online xác định loại tạp chí trong nước và quốc tế”.

Đầu tư phát triển, tăng cường năng lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học

Trong năm 2020, Nhà trường đã đầu tư xây mới 03 xưởng thực hành tại cơ sở Bến Cát, phục vụ các chương trình đào tạo: Kiến trúc, Xây dựng, Tự động hóa, Cơ điện tử, Mỹ thuật, Chế biến lâm sản, Kỹ nghệ ô tô (diện tích 4.800m²). Cải tạo tầng 2 nhà xe CBGV thành phòng thực hành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (diện tích 170m²). Trong năm 2020-2021, Nhà trường đã thực hiện mua sắm trang thiết bị cho các chương trình nêu trên (có Danh mục các trang thiết bị được đầu tư do Phòng Cơ sở vật chất cung cấp).

Hiện tại, Viện Phát triển Ứng dụng đang quản lý 11 phòng Lab. Thông qua các nhóm nghiên cứu, chương trình nghiên cứu thuộc Viện đã đề xuất và lập kế hoạch các danh mục trang thiết bị, hóa chất phục vụ cho hướng nghiên cứu ứng dụng và trọng điểm trong định hướng nghiên cứu của Trường Đại học Thủ Dầu Một (Nông nghiệp đô thị - chất lượng cao, Thành phố thông minh, Trường đại học thông minh), cho các hoạt động thực tập thực hành, các



nhóm NCM, phòng thí nghiệm sản xuất thí điểm.

Hệ thống tính toán hiệu năng cao của Trường Đại học Thủ Dầu Một đặt tại Trung tâm Công nghệ Thông tin đã được đưa vào vận hành và khai thác ổn định. Tài nguyên của hệ thống gồm 280 cpu cores và 03 gpu cores đã được cấp phát tối đa cho 10 người dùng/nhóm nghiên cứu trong trường theo Quy chế quản lý và sử dụng Hệ thống được ban hành vào ngày 23/3/2021.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Trường Đại học Thủ Dầu Một cũng còn một số khó khăn trong việc triển khai các hoạt động hợp tác NCKH đối với các đề tài cấp tỉnh trở lên, hoạt động NCKH đối với sinh viên, học viên sau đại học chưa trở thành một hoạt động thường xuyên, còn thực hiện theo hướng phong, số lượng các đối tượng được đăng ký sở hữu trí tuệ, đặc biệt là sáng chế vẫn còn chưa tương xứng với các sản phẩm nghiên cứu được tạo ra... từ đó, Trường đã đặt ra một số giải pháp triển khai trong thời gian tới.

Giải pháp triển khai

Về quản lý, hỗ trợ thực hiện đề tài

Các đơn vị chủ động, Phòng Khoa học hỗ trợ tìm kiếm, chia sẻ thông tin đăng ký, tuyển chọn về đề tài, dự án KH&CN cấp Tỉnh/Bộ, cấp Nhà nước hoặc đề tài, dự án do các quỹ KH&CN trong và ngoài nước

tài trợ đến các nhóm nghiên cứu, cá nhân.

Phòng Khoa học cập nhật quy trình đăng ký và quản lý thực hiện đề tài cấp Trường theo Công văn hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ NCKH của Hiệu trưởng; phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học và Trung tâm Đảm bảo Chất lượng rà soát, thống nhất quy trình hoặc hướng dẫn đối với SV thực hiện BCTN có đăng ký hưởng thêm chế độ về NCKH của Trường (gồm: chuyển điểm đề tài NCKH SV thành điểm BCTN, thưởng tiền BCTN đạt trên 8,0 điểm, được duyệt kinh phí thực hiện như đề tài NCKH cấp Trường) đảm bảo phù hợp với các quy định quản lý và khuyến khích tối đa SV đăng ký thực hiện.

Về đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, sản phẩm nghiên cứu

Các khoa, viện, trung tâm tiếp tục đẩy mạnh hoạt động hợp tác NCKH và chuyển giao công nghệ, sản phẩm nghiên cứu với các đối tác phù hợp với chức năng và lĩnh vực nghiên cứu của mình. Các đơn vị chủ động ký kết hoặc đề xuất Nhà trường ký kết với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp ở trong nước và nước ngoài trong việc hợp tác NCKH và chuyển giao công nghệ. Sau khi ký kết, hai bên cần xây dựng kế hoạch cụ thể để việc hợp tác NCKH và chuyển giao công nghệ thực chất và khả thi.

Phòng Khoa học phối hợp chặt chẽ hơn với các đơn vị liên quan (viện, trung tâm, khoa...) trong việc ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu sau khi được nghiệm thu. Tham mưu, đề xuất lãnh đạo Trường có cơ chế khuyến khích các chủ nhiệm đề tài thực hiện ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu của mình sau khi được nghiệm thu.

Phòng Khoa học phối hợp tham mưu, đề xuất cơ chế nhằm tăng cường việc hợp tác NCKH ngày càng thực chất và phát huy tối đa khả năng nghiên cứu, sáng tạo của đội ngũ CBHT, góp phần tăng cường tiềm lực KH&CN để tham gia chuỗi hoạt động nghiên cứu và đổi mới, sáng tạo của quốc gia và khu vực. Các CBHT tự đăng ký và đánh giá kế hoạch hợp tác NCKH với Nhà trường hàng năm. Giới thiệu các CBHT tham gia cộng tác chuyên môn tại khoa, viện, chương trình đào tạo, nhóm nghiên cứu phù hợp.

Về đẩy mạnh hoạt động sở hữu trí tuệ

Thực hiện thường kết quả đăng ký SHTT cho các cá nhân, tác giả đã được Cục SHTT cấp văn bằng theo Mục 8, Phần II tại Quyết định số 43/QĐ-HĐTr (KH) ngày 23/6/2021 của Hội đồng Trường. Đối với đối tượng SHTT đã được cá nhân tự đầu tư đăng ký và được cấp văn bằng của Cục SHTT, Nhà trường xem xét việc mua, chuyển nhượng lại từ các tác giả để gia tăng số tài sản SHTT, đồng thời giúp cho việc đẩy mạnh hoạt động thương mại hóa, khởi nghiệp từ các tài sản SHTT đã có.

Phòng Khoa học và các đơn vị tiếp tục phối hợp tổ chức các lớp tập huấn về SHTT tại trường cho CBGV, người học tham gia; nội dung tập huấn hướng đến nhu cầu và đặc thù chuyên môn của từng đối tượng cụ thể, đặc biệt chú ý khâu thực hành, hướng dẫn chi tiết hồ sơ, biểu mẫu, cách viết tờ khai... trong các khóa tập huấn. Cử CBGV tham gia các lớp tập huấn về SHTT phù hợp do các đơn vị ngoài trường tổ chức.

Các đơn vị cần tăng cường hơn nữa các hoạt động đăng ký SHTT, đặc biệt là đăng ký sáng chế để tính điểm xếp hạng Trường trong nghiên cứu ứng dụng, làm nguồn tài nguyên cho chuyển giao công nghệ, qua đó gia tăng nguồn thu từ hoạt động chuyển

giao công nghệ.

Về đẩy mạnh triển khai tin học hóa trong quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

Triển khai sử dụng Hệ thống phần mềm quản lý hoạt động KH&CN của Trường Đại học Thủ Dầu Một từ năm học 2021-2022; thực hiện số hóa đồng bộ các hồ sơ liên quan trong quá trình triển khai Hệ thống phần mềm quản lý hoạt động KH&CN. Phòng Khoa học tổ chức thẩm định các đề xuất, đặt hàng thực hiện đề tài về phần mềm quản lý các nghiệp vụ nhằm tin học hóa trong công tác quản lý của Nhà trường nói chung và trong công tác quản lý hoạt động KH&CN nói riêng.

Phòng Khoa học phối hợp với các đơn vị liên quan tìm hiểu, tham mưu cho lãnh đạo Trường về các phần mềm tra soát sự trùng lặp hoặc phần mềm chống đạo văn trong nước và nước ngoài phù hợp, về thông tin tài khoản truy cập các cơ sở dữ liệu khoa học uy tín (WoS,...) để hỗ trợ cho người nghiên cứu thuận tiện hơn trong việc tiếp cận, khai thác và sử dụng các nguồn tài liệu tham khảo phục vụ cho quá trình nghiên cứu, nâng cao chất lượng các sản phẩm công bố.

Về hoàn thiện cơ chế, chế độ liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ

Phòng Khoa học phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục tham mưu để hoàn thiện hệ thống văn bản về quản lý hoạt động KH&CN của Nhà trường như: Quy định quản lý hoạt động SHTT; Quy định về định giá các sản phẩm KH&CN, tài sản trí tuệ; Quy định về Giải thưởng KH&CN của Trường Đại học Thủ Dầu Một với tiêu chí cụ thể dành cho các đối tượng CBGV, CBHT, SV, HV sau đại học nhằm tuyên dương các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc... Đồng thời rà soát, cập nhật lại

các quy định đã ban hành đảm bảo phù hợp với quy định điều chỉnh của cấp trên và phù hợp với sự phát triển hoạt động KH&CN của Trường.

Phòng Khoa học phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu bổ sung các chế độ chính sách liên quan (như: chế độ cho đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động KH&CN ở các đơn vị, định mức về giờ dạy các khóa khởi nghiệp ngắn hạn ngoài chương trình đào tạo, Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp, cơ chế phân bổ lợi nhuận, lợi ích từ việc sử dụng và khai thác tài sản trí tuệ...) nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của Trường phát triển bền vững.

Về đầu tư, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

Viện Phát triển Chiến lược và các đơn vị có chức năng tiếp tục tham mưu, phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực NCKH và phát triển công nghệ đáp ứng nhu cầu của CBGV và người học thuộc các lĩnh vực chuyên ngành, giúp nâng cao tinh thần, thái độ của các đơn vị và cá nhân trong hoạt động KH&CN.

Các viện, trung tâm, khoa tiếp tục thúc đẩy việc thành lập các nhóm NCM, các nhóm nghiên cứu liên ngành, xuyên ngành để tạo uy tín cho Trường trong lĩnh vực NCKH.

Phòng Tổ chức phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định đề xuất thành lập Phòng Thí nghiệm Tính toán hiệu năng cao trực thuộc Trung tâm Công nghệ Thông tin.

Phòng Cơ sở Vật chất phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu kế hoạch mua sắm, bổ sung thêm các thiết bị, máy móc đáp ứng với sự phát triển hoạt động KH&CN của Nhà trường. ▲

*Phòng Khoa học
Trường ĐHTĐ Thủ Dầu Một*

Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại Trường đại học Bình Dương:

TIẾP CẬN CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

Đào Văn Tuyết¹, Nguyễn Xuân Mãn², Trinh Lương Quang¹

Sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong thời đại của nền kinh tế tri thức đang ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong các trung tâm, viện nghiên cứu thuộc Trường đại học Bình Dương. Trước những thời cơ và thách thức đó, giảng viên, nghiên cứu viên luôn rèn luyện bản lĩnh, luôn luôn sáng tạo và không ngừng đổi mới trong công tác để đem lại những kết quả mới trong nghiên cứu khoa học nhằm bổ xung cho nội dung giáo trình, làm cơ sở đổi mới chương trình đào tạo phục vụ việc giảng dạy hiệu quả hơn. Việc kết nối với các phòng thí nghiệm tại các trường Đại học tại một số quốc gia tạo điều kiện kết nối toàn cầu để có thể tiếp cận những tri thức khoa học do cuộc CNCN 4.0 mang lại. Sở hữu trí tuệ thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ, chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai của Nhóm nghiên cứu tiềm năng ngay trong Việt Nam và chuyển giao từ Việt Nam ra nước ngoài.

Cách mạng công nghiệp 4.0: những xu hướng và chiến lược phát triển hiện nay

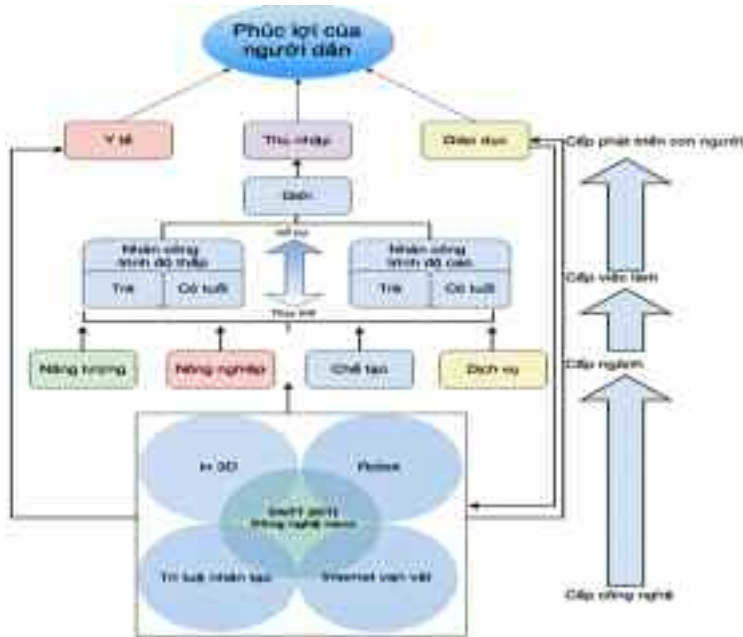
Khái niệm Công nghiệp 4.0 hay nhà máy thông minh lần đầu tiên được đưa ra tại Hội chợ công nghiệp Hannover tại CHLB Đức vào năm 2011. Công nghiệp 4.0 là xu hướng hiện thời trong việc tự động hóa và trao đổi

dữ liệu trong công nghệ sản xuất, bao gồm các hệ thống không gian thực-ảo, internet vạn vật và điện toán đám mây, điện toán nhận thức. Các khía cạnh nổi bật và khác nhau của nền công nghiệp 4.0 như: an toàn, bảo mật, độ tin cậy, hệ thống mạng cũng như quy trình kỹ thuật, đặc biệt chú trọng đến mối liên kết quan trọng giữa công nghệ thông tin và sản xuất. Phòng Nghiên cứu khoa học và Quan hệ đối ngoại đại học Bình Dương đã cùng trao đổi với các Khoa/ Viện/ Trung tâm thảo luận xung quanh các chủ đề như: Tổng quan về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và các khái niệm cơ bản; Xu hướng kết nối IoT trong công nghiệp 4.0; Thách thức và giải pháp cho các kỹ thuật dựa trên mô hình trong công nghiệp 4.0; Nhà máy kỹ thuật số - Nguồn năng lực cạnh tranh; IoT cho một nhà máy thông minh hơn - thách thức và cơ hội cho Đại học Bình Dương, các viện nghiên cứu và doanh nghiệp; Giáo dục kỹ thuật cho kỷ nguyên công nghiệp lần thứ 4. (Hình 1)

Với nhận định Cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ tác động đến tất cả các quốc gia, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế và con người. Do vậy, các hoạt động tổ chức các buổi Seminar, các Hội thảo quốc tế tại đại học Bình Dương nhằm tăng cường sự kết nối giữa các trường đại học và doanh nghiệp cũng như các trường đại học quốc tế từ đó hình thành những ứng dụng hiệu quả cho sự phát triển khoa học và công nghệ ở các Viện/ Trung tâm nghiên cứu khoa học tại Đại học Bình Dương

¹ Trường ĐH Bình Dương

² Trường ĐH Mở và Địa chất, Hà Nội



Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và phúc lợi của người dân: Các kênh tác động

Nguồn: Nhóm nghiên cứu Viện HLKHXH VN

Cụ thể, dựa trên nghiên cứu xu thế khoa học và công nghệ của thế giới, tìm ra những vấn đề mới để kiến nghị. Trong đó, các Nhóm NC tiềm năng của ĐH Bình Dương chú trọng một số công nghệ ưu tiên cần tập trung phát triển để chủ động tham gia Cuộc cách mạng 4.0 như sau: (i) công nghệ về sức khỏe, (ii) trí thông minh nhân tạo, (iii) vật liệu mới, (iv) tích trữ năng lượng

Định hình phát triển công nghệ, triển khai và áp dụng một số mô hình liên kết ở Đại học Bình Dương

Mô hình 1: Mô hình liên kết Trường đại học - Viện nghiên cứu - Doanh nghiệp

Với sự liên kết cùng Viện Cơ học và Tin



Sinh hoạt các chuyên đề công nghệ tại Trung tâm Tin Y Sinh

học Ứng dụng, Trung tâm Tin - Y Sinh được thành lập, một số kết quả nghiên cứu từ các đề tài nghiên cứu được cấp phát kinh phí NCKH từ Sở KHCN Bình Dương được đưa vào Labo tại Trung tâm.

Một khi cả ba thành viên Trường đại học - Viện nghiên cứu - Doanh nghiệp cùng vào cuộc, triển khai một cách hiệu quả, thiết thực thì chức năng xây dựng một đại học vừa giảng dạy vừa nghiên cứu như đại học

Bình Dương mới thật sự tác động xã hội phát triển.

Mô hình 2: Phòng thí nghiệm trọng điểm điều khiển số và kỹ thuật hệ thống BDU kết nối với 25 phòng thí nghiệm công nghệ tiên tiến ĐHBK Saint Petersburg

Đại học Bình Dương, Trung tâm Việt Nga đã xây dựng nền tảng cơ bản để liên kết hợp tác giáo dục với các Trường Viện đại học hàng đầu như Đại học Saint Petersburg, Đại học Tổng hợp Lomonosov, Đại học Quốc gia Belarus... thực hiện chiến lược tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học, xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, xây dựng nguồn nhân lực cho nghiên cứu và phát triển công nghệ, nhất là những lĩnh vực công nghệ mới của CMCN 4.0 như chuyển đổi số (digital transformation), kỹ thuật số và công nghệ thông tin, tự động hóa (blockchain, rô-bốt, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn), vật lý và khoa học vật liệu tiên tiến, công nghệ sinh học và nâng cao chương trình giảng dạy của Đại học Bình Dương, cập nhật và nâng cao mức độ đào tạo của giảng viên và nội dung đào tạo các tín chỉ trong chương trình giảng dạy tại một

số khoa tại trường Đại học Bình Dương.

Kết luận và một số kiến nghị

Mô hình hợp tác, liên kết giữa trường đại học - viện nghiên cứu - doanh nghiệp đang dần được khẳng định, có một số đơn vị đã triển khai và hoạt động khá hiệu quả, nhất là ĐHQG Hà Nội và ĐHQG Tp. HCM, các đại học vùng và một số trường đại học, viện nghiên cứu lớn. Nhưng để mô hình hợp tác ba bên này mở rộng và phát triển hơn; phía trước còn nhiều vấn đề mà các ngành, các cấp có liên quan cần tiếp tục nghiên cứu giải quyết.

Phòng Quản lý khoa học và Quan hệ đối ngoại phối hợp cùng với Khoa/ Viện/ Trung tâm lên Kế hoạch đặt ra mục tiêu tổ chức các chuỗi sự kiện về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI); hỗ trợ các cá nhân, tổ chức trong nước tham gia các hội thảo, triển lãm, kỳ thi quốc tế về chuyển đổi số, AI; tham gia tổ chức và thực hiện các chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu khoa học song phương và đa phương về chuyển đổi số, AI; thúc đẩy phát triển cơ sở,

trung tâm hợp tác nghiên cứu chuyển đổi số, AI; các dự án hợp tác chuyển giao công nghệ, khai thác các sáng chế, quyền sở hữu công nghiệp giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp nước ngoài về chuyển đổi số, AI.

Đây là một đề án lớn có giá trị cấp đại học. Và để thực hiện tốt đề án này, Trường đại học Bình Dương cần có một cơ chế về: cơ sở vật chất trang thiết bị, đội ngũ mà cụ thể là khả năng nghiên cứu khoa học của các Nhóm nghiên cứu tiên năng, Nhóm nghiên cứu mạnh - chế độ thu nhập phù hợp. ▲

Tài liệu tham khảo:

1. Cao Văn Phường, *Đã từng có một đại học mở như vậy*, Nhà xuất bản giáo dục. 2010
2. Cao Văn Phường, Nguyễn Xuân Man, Đào Văn Tuyet, *Training for high quality human resources – An emergency solution for research and application of aerospace technology*, Proceeding at Busan National University, 2015
3. Tài liệu Hội thảo tại ĐHQG Hanoi.

HỆ THỐNG DỮ LIỆU KHÔNG GIAN...

(Tiếp theo trang 21)

gisxd.binhduong.gov.vn để biết thêm các thông tin về hạ tầng kỹ thuật và các dự án xây dựng tại địa bàn tỉnh Bình Dương. Đến nay, dự án đã có hơn 15 ứng dụng trên nhiều nền tảng khác nhau, được rất nhiều người dân ủng hộ với gần 12 ngàn lượt tải về. Đây cũng được ghi nhận như một tín hiệu lạc quan trong vấn đề cải thiện dịch vụ công phục vụ cộng đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng làm cơ sở cho các đơn vị có liên quan trong công tác khai thác, sử dụng, cập nhật, quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung liên ngành nhằm chuẩn hóa thông tin đầu vào và nâng cao trách nhiệm cập nhật thông tin của các đơn vị sử dụng, quản lý, khai thác, thụ hưởng.

Thời gian tới, ngành xây dựng sẽ tiếp tục nghiên cứu các ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên phong trong định hướng phát triển ngành như: công nghệ 3D, AI, BIM và từng bước tích hợp BIM+GIS nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước. ▲

Nguyễn Minh Trung
Sở Xây dựng Bình Dương

Hiệu quả ứng dụng GIS vào THỰC TIỄN QUY HOẠCH VÀ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ tỉnh Bình Dương

*V*iệc đầu tư, thiết lập Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu đô thị trên nền GIS đem lại nhiều lợi ích cho chính quyền, doanh nghiệp và người dân trong việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý, quản trị đô thị; cung cấp, chia sẻ thông tin quản lý đến các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân có nhu cầu sử dụng; tạo nền tảng để các doanh nghiệp có thể phát triển ứng dụng quản lý, cung cấp dịch vụ; tạo môi trường tương tác, kết nối giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp.

Công tác quản lý nhà nước

Hệ thống thông tin địa lý (GIS) là công cụ dùng để thu thập, quản lý, phân tích dữ liệu từ không gian địa lý qua đó thực hiện biên tập bản đồ, lưu trữ dữ liệu bản đồ, thao tác trên bản đồ sao cho tương hợp với không gian thực đối với các loại dữ liệu nền khác nhau: Đất đai, địa chính, quy hoạch... giúp kết nối dữ liệu với bản đồ, vị trí và các thông tin khác, là công cụ hỗ trợ hiệu quả cho công tác lập, thẩm định và quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; quản lý đầu tư xây dựng phát triển đô thị theo quy hoạch xây dựng được duyệt; tạo nền tảng để áp dụng các công cụ hỗ trợ ra quyết định, hỗ trợ phân tích, đánh giá thông tin, dữ liệu giúp cơ quan quản lý nhà nước lựa chọn giải pháp tối ưu để ra quyết định; tích hợp thông tin pháp lý đối với công tác quản lý dân cư, đất đai, giao thông và các dịch vụ công trong đô thị; cải cách hành chính, hiện đại hóa và đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị; phổ biến các chính sách pháp luật, quản lý điều hành của Trung ương và địa phương. Vì vậy, đây là nền tảng để giúp cơ quan quản lý nhà nước chia sẻ thông tin dữ liệu, hệ thống hóa cơ sở dữ liệu, chia sẻ liên thông, liên ngành, cải thiện tương tác,

giao tiếp cũng như chuyên đổi số, quản lý dữ liệu và ra quyết định tốt hơn, cụ thể:

- Ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý Ngành và quản lý phát triển đô thị hỗ trợ công tác quản lý nhà nước về: Hệ thống cơ sở dữ liệu về quy chuẩn, tiêu chuẩn trong công tác kiến trúc, quy hoạch; hệ thống cơ sở dữ liệu về điển hình hóa trong kiến trúc, quy hoạch; cơ sở dữ liệu hệ thống đô thị trên toàn quốc; rà soát, xây dựng hệ thống thông tin thống kê và các chỉ số phát triển đô thị.

- Ứng dụng trong công tác quản lý quy hoạch xây dựng hỗ trợ công tác quản lý nhà nước về: Cơ sở dữ liệu đồ án quy hoạch (quy hoạch xây dựng Vùng, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch điểm dân cư nông thôn, vv...); chuẩn hóa cơ sở dữ liệu GIS trong đồ án quy hoạch; hệ thống cơ sở dữ liệu về nhà ở tại các địa phương; cơ sở dữ liệu hiện trạng phát triển đô thị (địa hình, địa chất, sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường, mô hình số độ cao,...); chuẩn hóa bản đồ, biểu mẫu báo cáo; tích hợp dữ liệu; chia sẻ cơ sở dữ liệu về quy hoạch và phát triển đô thị trong ngành Xây dựng.

Trước nhu cầu và thực tế đô thị hoá trên địa bàn phát triển với tốc độ cao, việc ứng

dụng Hệ thống thông tin địa lý (GIS) sẽ giúp các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý, điều hành, lưu trữ, tương tác, ra quyết định. Về lâu dài, ứng dụng GIS có thể được sử dụng để tạo ra một cổng thông tin công cộng trực tuyến, mở ra các dữ liệu thông tin giữa các tổ chức chính quyền và người dân một cách minh bạch, đầy đủ. Các cấp chính quyền có thể chia sẻ thông tin một cách nhanh chóng, và người dân có thể tự chủ động truy cập những thông tin họ cần.

Đối với người dân và doanh nghiệp

Bên cạnh việc xây dựng phần mềm ứng dụng cho từng phòng chuyên môn thuộc Sở Xây dựng và các Sở ngành khác, dự án còn hướng đến đối tượng là người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh với các phần mềm ứng dụng như: tra cứu thông tin về quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật, phản ánh sự cố hạ tầng kỹ thuật, phản ánh sai phạm xây dựng... Đây là những ứng dụng công khai, mang tính minh bạch, rõ ràng; các ứng dụng này mang lại những tiện ích khả quan, cụ thể:

- Tra cứu thông tin quy hoạch: hỗ trợ người dân và các có mong muốn tra cứu thông tin quy hoạch bằng điện thoại hoặc bằng Web, tiết kiệm được thời gian và tra cứu một cách nhanh chóng. Các chức năng quan trọng bao gồm định vị vị trí thửa đất, tra cứu thông tin quy hoạch bằng số tờ, số thửa và toạ độ, xem thông tin quy hoạch.

- Thông tin về dự án Bất động sản: hỗ trợ tra cứu dự án theo loại dự án phát triển nhà ở như: Nhà ở thương mại, Nhà ở xã hội, Nhà ở công vụ, Nhà ở tái định cư; tính pháp lý của dự án và các thông tin cần truyền đạt từ Sở Xây dựng.

- Tra cứu thông tin hạ tầng kỹ thuật: cung cấp cho người dân và doanh nghiệp thông tin về dữ liệu về hệ thống cấp thoát nước, hệ thống chiếu sáng, cây xanh, điện lực, giao thông, công trình xây dựng, môi trường đô thị

và sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Phản ánh sai phạm xây: được xây dựng để hỗ trợ người dân cập nhật, phản ánh các sai phạm về xây dựng. Bên cạnh đó, App hỗ trợ người dùng trong công tác tra cứu các sai phạm.

- Phản ánh sự cố hạ tầng kỹ thuật: hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong công tác phản ánh các sự cố liên quan đến hạ tầng kỹ thuật. Đây là app dùng cho người dân, nhân viên hiện trường, nhân viên các công ty điện lực, cấp nước, viễn thông, cây xanh,...

- Cổng thông tin quy hoạch này còn đóng góp rất lớn cho công tác xúc tiến đầu tư của Tỉnh. Các doanh nghiệp/các nhà đầu tư có thể tra cứu được quy hoạch của các khu vực dự kiến triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn Tỉnh thông qua mạng Internet.

Đối với các ứng dụng trên điện thoại di động, người dân có thể tải trực tiếp từ các cửa hàng ứng dụng là Appstore và CH Play với các từ khóa như “Quy hoạch xây dựng Bình Dương” để tải ứng dụng hỗ trợ tra cứu thông tin quy hoạch xây dựng hay từ khóa “Phản ánh sự cố Bình Dương”, “Sai phạm xây dựng Bình Dương” để tải ứng dụng hỗ trợ người dân phản ánh các thông tin về sự cố hạ tầng kỹ thuật và các sai phạm xây dựng.

Về lâu dài, tùy vào mức độ phát triển của hệ thống, hệ thống có thể cho phép các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính theo các cấp độ khác nhau như xin cấp phép xây dựng, cung cấp thông tin quy hoạch... hoặc phát triển các tiện ích trên cơ sở các dữ liệu được hệ thống phân cấp cho phép sử dụng, tăng cường sự kết nối giữa người dân và chính quyền các cấp; hỗ trợ người dân tra cứu các thông tin về chính sách pháp luật, quy hoạch xây dựng, quản lý đất đai trên địa bàn; phản ánh kịp thời những vi phạm, bất cập, thúc đẩy người dân tham gia công tác quản lý đô thị.

TRA CỨU

THEO TOA ĐỘ

1. Chọn chức năng tìm kiếm.
2. Trong tab "Theo toạ độ" nhập đầy đủ các thông tin cần tra cứu.
3. Click "Tìm kiếm" để hoàn thành thao tác.

Khi qua được hiển thị như hình



Hình: Ảnh minh họa thao tác tra cứu quy hoạch theo hệ tọa độ

Một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án

Trong quá trình triển khai thực hiện, Dự án GIS ngoài những thuận lợi như: Sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự ủng hộ của các ngành và địa phương các cấp, quan tâm bố trí kinh phí thực hiện... Tuy nhiên, cũng gặp không ít khó khăn, đặc biệt trong giai đoạn triển khai thí điểm, điển hình là:

- Các quy định pháp luật, các chính sách, quản lý số hóa, cơ sở dữ liệu, bản đồ, tính pháp lý của việc cập nhật thông tin, phí cung cấp thông tin cần xây dựng Văn bản pháp luật thống nhất từ Trung ương để có thể triển khai đồng bộ.

- Các dữ liệu số liệu được lưu trữ không đồng bộ, liên thông, còn phân tán, chưa chuẩn hóa và còn ở nhiều định dạng khác nhau, ví dụ: dữ liệu bản đồ, số tờ, số thửa về đất đai,... nên chưa thể đồng bộ, chuẩn hóa số liệu liên ngành. Đơn vị tư vấn cùng với các Phòng Ban thuộc Sở phải mất rất nhiều thời gian để thu thập và chuẩn hóa dữ liệu.

- Dữ liệu hạ tầng kỹ thuật hiện hữu, đặc biệt là hạ tầng ngầm, đã được xây dựng trước

đây hiện tại không được lưu trữ đầy đủ thông tin, đa phần trên bản vẽ giấy, vì vậy cần nhiều thời gian và công sức, kinh phí để thu thập, cập nhật và bổ sung, xử lý dữ liệu vào hệ thống GIS.

- Nhận thức của các Sở ngành, Huyện/Thị/Thành phố về vấn đề số hóa dữ liệu ngành xây dựng không giống nhau, nhiều nơi chưa thật sự chú trọng, ít quan tâm đến vấn đề số hóa và chuẩn hóa toàn bộ dữ liệu ngành xây dựng, việc trích lục các hồ sơ lưu trữ giấy trước đây gặp nhiều khó khăn, thất lạc, xuống cấp và chưa chính xác với thực tế.

- Hạ tầng công nghệ thông tin trong giai đoạn đầu chưa đồng bộ, việc chia sẻ thông tin phục vụ tra cứu quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật của người dân và doanh nghiệp cũng còn một vài hạn chế; một trong những điểm quan trọng là việc đảm bảo tính cập nhật liên tục của dữ liệu nền địa hình, địa chính cũng còn hạn chế nhu cầu khai thác dữ liệu ngành xây dựng.

- Trang thiết bị một số nơi còn chưa theo kịp, các cán bộ phụ trách cập nhật dữ liệu GIS chưa có chuyên môn cao trong lĩnh vực

công nghệ thông tin để quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống máy tính của ứng dụng GIS một cách hiệu quả nhất. Quá trình chuyển đổi số tại một số địa phương, đơn vị còn chậm, chưa ứng dụng rộng rãi hệ thống GIS vào trong giải quyết công việc tại cơ quan, đơn vị.

- Việc số hóa các dữ liệu hiện trạng cho các đô thị hiện hữu, các dự án đã triển khai lâu cần nhiều thời gian và kinh phí thực hiện, các có kế hoạch triển khai cụ thể, phân kỳ số hóa nhằm xây dựng dữ liệu theo thời gian thực hiện.

Bài học kinh nghiệm

Đô thị thông minh được xem là xu hướng phát triển của nhiều đô thị trên thế giới, và tại Việt Nam, tỉnh Bình Dương cũng đã bước đầu tiếp cận triển khai công tác số hóa dữ liệu và quản lý nhà nước. Đây được xem và xu thế tất yếu mà mọi tỉnh thành, từ các cấp khác nhau đều mong muốn hướng đến nhằm mục đích tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, khai thác, phát huy các tiềm năng và lợi thế, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực; khai thác tối ưu hiệu quả tài nguyên, con người, nâng cao tiêu chuẩn cuộc sống đô thị (hiện đại, an toàn, tiết kiệm), cải thiện chất lượng phục vụ của hệ thống quản lý nhà nước.

Hiện nay, Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương đang tập trung vào vấn đề quản lý đô thị thông minh, với bước đầu là xây dựng cơ sở hạ tầng dữ liệu không gian (chuyên ngành xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, đất đai) và đề xuất cơ chế quản lý, kiểm duyệt, chia sẻ dữ liệu. Đối chiếu với lộ trình, định hướng được đề ra trong Quyết định 950/QĐ-TTg ngày 01/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam năm 2018 - 2025 và định hướng đến 2030, Bình Dương đã hoàn thiện giai đoạn đến năm 2020, hướng đến mục tiêu phát triển hạ tầng dữ liệu không gian đô thị,

hợp nhất các dữ liệu đất đai, xây dựng và các dữ liệu khác trên nền GIS đến năm 2025.

Để tiếp tục duy trì và phát triển mô hình quản lý đô thị tỉnh Bình Dương theo hướng đô thị thông minh, thời gian tới, tỉnh cần tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Xây dựng hoàn thiện cơ chế pháp lý quản lý đô thị thông minh, số hóa dữ liệu, cơ sở pháp lý.

- Tiếp tục duy trì và vận hành cơ sở dữ liệu khung cho hệ thống đô thị trên nền GIS đã thực hiện trong giai đoạn khởi tạo Hệ thống thông tin địa lý ngành Xây dựng theo quyết định số 09/2020/QĐ-UBND của UBND Tỉnh đã ban hành ngày 06/03/2020.

- Xây dựng thí điểm hệ thống cơ sở dữ liệu liên thông dân cư, đất đai, giao thông, quy hoạch đô thị và đầu tư xây dựng. Vấn đề này cần có sự kết hợp của nhiều Sở ngành của Tỉnh, như: Tài nguyên Môi trường, Giao thông, Công An Tỉnh, Thông tin Truyền thông, Khoa học công nghệ,...

- Tiếp tục triển khai ứng dụng GIS phục vụ công tác quản lý đô thị theo hướng triển khai GIS 3D, BIM, sử dụng dữ liệu vệ tinh độ chính xác cao theo thời gian thực nhằm thực hiện các mô hình thí điểm quản lý đô thị thông minh theo mô hình 3D - 4D theo dõi được các biến động của đô thị theo thời gian gần với thời gian thực (Near Realtime).

Xây dựng đô thị thông minh là cả một quá trình lâu dài, trong đó yếu tố con người đóng vai trò quyết định. Vì vậy, tỉnh cần tiếp tục đầu tư, đạo tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ cán bộ quản lý để tiếp cận được với công nghệ mới đặc biệt là đáp ứng những yêu cầu của chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. ▲

Minh Trung

Công ty TNHH MTV cao su Dầu Tiếng

ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường, hướng đến phát triển bền vững, giữ vững thương hiệu và uy tín cao su Dầu Tiếng trên thị trường. Theo xu hướng cạnh tranh trên thị trường đòi hỏi Công ty phải tự cải tiến công nghệ cũ kém hiệu quả, áp dụng công nghệ mới, hợp lý hóa sản xuất, giảm chi phí giá thành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng được thành lập ngày 20 tháng 06 năm 1975 là đơn vị thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Công ty hiện đang quản lý diện tích 27.916,74 ha, trong đó diện tích vườn cây cao su 23.946,55 ha, tạo việc làm cho trên 4.000 lao động với thu nhập ổn định. Công ty có 03 Nhà máy chế biến cao su (Long Hòa, Bến Súc, Phú Bình) với tổng công suất thiết kế 47.000 tấn sản phẩm/năm.

Sản phẩm chính của các Nhà máy chế biến: cao su khối SVRL, SVR3L, SVR5, SVR10, SVR20, SVRCV40, SVRCV50, SVRCV60, SVR10CV, cao su ly tâm các loại HA, LA, HA-ULPL, LA-ULPL.

Sản phẩm của Công ty đã được tiêu thụ trên 40 quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc 5 châu lục; Nhãn hiệu của Công ty đã được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam và một số nước như Hàn Quốc, Úc, Nhật Bản và Châu Âu. Công ty đã được chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015; hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001: 2018; hệ thống quản lý rừng bền vững (PEFC/VFCS) và hệ thống quản lý chuỗi hành trình sản phẩm PEFC CoC 03 nhà máy chế biến cao su.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường, hướng đến phát triển bền vững, giữ vững thương hiệu và uy tín cao su Dầu Tiếng trên thị trường. Theo xu hướng cạnh tranh trên thị trường đòi hỏi Công ty phải tự cải tiến công nghệ cũ kém hiệu quả, áp dụng công nghệ mới, hợp lý hóa sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm chi phí giá thành. Thực hiện mục tiêu trên, Công ty tiến hành đánh giá hiệu quả các hệ thống xử lý nước thải, chi phí xử lý nước thải nhiều nhất tập trung ở hệ thống cấp oxy hòa tan cho các

Tiêu trên thị trường. Theo xu hướng cạnh tranh trên thị trường đòi hỏi Công ty phải tự cải tiến công nghệ cũ kém hiệu quả, áp dụng công nghệ mới, hợp lý hóa sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm chi phí giá thành. Thực hiện mục tiêu trên, Công ty tiến hành đánh giá hiệu quả các hệ thống xử lý nước thải, chi phí xử lý nước thải nhiều nhất tập trung ở hệ thống cấp oxy hòa tan cho các



Tài sử dụng nước thải sau xử lý



Hình 1: Bể hiếu khí sử dụng màng thổi khí (cũ)



Hình 2: Bể hiếu khí sử dụng đĩa phân phối khí (mới)

bể hiếu khí.

Hệ thống xử lý nước thải Nhà máy Chế biến Cao su Phú Bình: Bể hiếu khí được thiết kế ban đầu sử dụng màng thổi khí cung cấp oxy hoà tan cho vi sinh vật hiếu khí phát triển, làm giảm nồng độ ô nhiễm nước thải sau khi qua bể. Qua quá trình sử dụng một số màng thổi khí đã bị hư hỏng được sửa chữa thay thế, độ giãn nở các màng phân phối khí không đồng đều, mức độ chịu tải các màng phân phối khí khác nhau, các màng chịu lực kém thường hư hỏng, lượng oxy hoà tan cung cấp tại các ngăn của bể hiếu khí không đồng đều, dẫn đến việc xử lý nước thải không đạt hiệu quả cao tiêu thụ nhiều điện năng. Ngoài ra sử dụng màng thổi khí còn gặp khó khăn trong quá trình sửa chữa, thay thế khi bị hư hỏng, lượng oxy cung cấp không đồng đều trong bể ảnh hưởng lớn đến quá trình xử lý nước thải.

Sau khi phân tích đánh giá hiệu quả hệ thống xử lý nước thải Nhà máy Chế biến Cao su Phú Bình, Công ty tiến hành cải tiến hệ thống cấp oxy bằng cách thay thế màng phân phối khí bằng đĩa thổi khí. Thực hiện giải pháp này đem lại hiệu quả khắc phục nhược điểm của hệ thống cũ sẽ ít hư hỏng, biện pháp khắc phục sự cố dễ thực hiện

không ảnh hưởng đến việc vận hành, xử lý nước thải, lượng oxy hoà tan (DO) cung cấp đồng đều tại các ngăn của bể hiếu khí, hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định đạt tiêu chuẩn cho phép (QCVN 01-MT:2015/BTNMT, cột A).

Điện năng xử lý trên nước thải giảm

1m³ nước thải từ 3,63 kWh/m³ giảm còn 3,22 kWh/m³ tiết kiệm 0,41 kWh/m³, giảm chi phí xử lý 789 đồng/m³. Trung bình giảm chi phí điện 56.000.000 đồng/năm.

Tái sử dụng nước thải: Do sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp, nguồn nước bị thu hẹp và ô nhiễm, việc khai thác tài nguyên nước phải được kiểm soát chặt chẽ, khai thác hiệu quả, bảo vệ nguồn nước để không gây ra cạn kiệt và ô nhiễm nguồn tài nguyên này. Công ty đã thực hiện việc tái sử dụng nước thải sau xử lý để phục vụ sản xuất. Tái sử dụng nước thải sau xử lý trung bình 200.000 m³/năm chiếm tỷ lệ 34,6 % tổng lượng nước thải xử lý.

Với kết quả mang lại từ việc áp dụng công nghệ mới, Công ty tiếp tục triển khai cải tiến các hệ thống xử lý nước thải nhằm nâng cao hiệu quả xử lý nước thải, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, thực hiện tiết kiệm nguyên vật liệu, giảm thiểu chất thải, bảo tồn đa dạng sinh học và an toàn sinh học. Luôn gắn liền quản lý hiệu quả sản xuất với an ninh - quốc phòng và bảo vệ môi trường hướng tới phát triển doanh nghiệp bền vững trong những năm tiếp theo. ▲

Trương Văn Mạnh
Phó phòng Kỹ thuật
Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng

**GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG VIỆC ĐÀO TẠO PHÁT TRIỂN
 NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG DƯỚI GÓC NHÌN VỀ**

**Trong Vai trò đào tạo - nghiên cứu khoa học
 bối cảnh Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**

Dảng và Nhà nước ta luôn coi giáo dục và đào tạo là yếu tố quyết định đến sự nghiệp phát triển đất nước. Đại hội XIII của Đảng đã xác định: “Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng”. Trong khuôn khổ bài viết, nhóm tác giả tập trung phân tích vai trò của giáo dục, đào tạo ở bậc đại học đối với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng; thực trạng giáo dục, đào tạo ở Việt Nam trong những năm qua; từ đó, gợi ý một số giải pháp đổi mới, nâng cao giáo dục, đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng ở Việt Nam

Nguồn nhân lực (NNL) được xem là tổng thể các yếu tố thể lực, trí lực, kỹ năng lao động, thái độ và phong cách làm việc, kinh nghiệm sống, đạo đức, lý tưởng, chất lượng văn hóa, năng lực chuyên môn, tính năng động trong công việc mà bản thân con người và xã hội có thể huy động vào cuộc sống lao động sáng tạo vì sự phát triển và tiến bộ của xã hội. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư thật sự đặt NNL lao động chất lượng cao nói chung và lao động kỹ thuật nói riêng của nước ta trước những thách thức mới diễn ra hết sức nhanh chóng. Thị trường lao động sẽ bị thách thức nghiêm trọng giữa chất lượng và số lượng cung - cầu lao động cũng như cơ cấu lao động thêm vào đó trong bối cảnh nền kinh tế đang hội nhập quốc tế sâu rộng, tạo ra những áp lực kinh tế xã hội vô cùng căng thẳng và khốc liệt.

Định hướng chiến lược phát triển của Việt Nam chú trọng sự phát triển nhân lực, làm động lực cho tăng trưởng kinh tế thông qua sự kết hợp giữa các chiến lược quốc gia trong đó chính sách về giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) là một điểm nhấn hết sức quan trọng, nội dung định hướng phát triển theo hướng đào tạo gắn với chất lượng đáp ứng nhu cầu xã hội, trang

bị đầy đủ kỹ năng và kiến thức cho người lao động gia nhập thị trường thay vì chú tâm đến mở rộng quy mô và chạy theo số lượng các trường đại học như hiện nay.

Thực trạng hiện nay cũng cần được nhìn nhận đúng mức về sự hạn chế, yếu kém về chất lượng giáo dục đào tạo nhất là ở bậc đại học cũng là một trở ngại lớn cho phát triển khoa học công nghệ nước nhà. Nhiệm vụ chính của giáo dục đại học là cung cấp NNL có chất lượng cho nền sản xuất để tạo ra của cải vật chất và tinh thần của xã hội. Một thách thức thường gặp hiện nay là các trường đại học có thể chưa dự đoán hết được các kỹ năng mà thị trường lao động cần. Các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các trường đại học chủ yếu vẫn theo phương pháp truyền thống sẽ phải đối mặt với những thay đổi mạnh mẽ cả về tư duy, cơ cấu kiến thức, kỹ năng và phương pháp. Với sự thay đổi như vũ bão của cách mạng công nghệ, đòi hỏi giáo dục phải nhanh chóng trang bị cho người học cả tư duy những kiến thức kỹ năng mới, khả năng sáng tạo, thích ứng với thách thức và những yêu cầu mới mà các phương pháp giáo dục truyền thống không thể đáp ứng.

Vai trò của giáo dục, đào tạo đối với việc phát triển nguồn nhân lực ở nước ta hiện nay

Hầu hết ở các quốc gia đang vận động phát triển, giáo dục, đào tạo luôn được đặt ở vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức như hiện nay, khi nguồn lực con người đang ngày càng chiếm vị trí trung tâm, nhân tố quyết định cho sự sáng tạo, đổi mới và phát triển thì vai trò của GD&ĐT ngày càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, phát huy vai trò giáo dục, đào tạo trong sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước đang trở thành vấn đề quốc sách hàng đầu ở nhiều quốc gia. GD&ĐT là một trong những động lực thúc đẩy sự nghiệp CNH, HĐH, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

Đại hội XIII của Đảng gần đây đã tái xác định: “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản nền giáo dục quốc dân... Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam”. Qua đó, trong chỉ đạo sách lược về phát triển và đổi mới giáo dục, theo Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng nhu cầu CNH - HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đã đề cập về sự nghiệp giáo dục, đào tạo quá trình đổi mới phải đạt tới thông qua ba mục tiêu là nâng cao dân trí, phát triển nhân lực và bồi dưỡng nhân tài, trong đó phát triển nhân lực là mục tiêu có ý nghĩa quan trọng và được ưu tiên hơn.

Ngày nay, trong bối cảnh tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghiệp lần thứ tư, xu hướng tỷ lệ lao động trình độ kỹ thuật thấp, giản đơn ngày một giảm, lao động trí tuệ ngày càng gia tăng, lợi thế so sánh dựa trên số lượng lao động và giá nhân công rẻ cũng ngày một giảm và đang chuyển dần về phía những quốc gia có nguồn nhân lực chất lượng cao. Do đó, chất lượng NNL đang trở thành yếu tố quyết định nhất đối với việc tăng lợi thế cạnh tranh cũng như sự phát triển nhanh và bền vững của mỗi quốc gia. Điều này càng củng cố vai trò

của giáo dục đào tạo trong tiến trình phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

Đặc trưng và lĩnh vực công nghệ chủ đạo của CMCN 4.0

Thế giới đang bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là một xu hướng tất yếu của sự phát triển. Bản chất của CMCN 4.0 là dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh, đặc trưng bởi sự kết hợp giữa Internet kết nối vạn vật (IoT) và các hệ thống kết nối Internet (IoS) với phạm vi bao trùm tất cả các lĩnh vực.

Cuộc cách mạng lần thứ 4 gồm 15 lĩnh vực chủ đạo: Cơ sở dữ liệu tập trung (Big Data), thành phố thông minh (Smart Cities), tiền ảo (Blockchain/Bitcoin), trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence), năng lượng tái tạo/Công nghệ sạch (Renewable Energy/Clean-tech), công nghệ màng mỏng (FinTech), thương mại điện tử (E-Commerce), người máy (Robotics), công nghệ in 3D (3D Printing), kết nối thực ảo (Virtual/Augmented Reality), các nền kinh tế chia sẻ (Shared Economies), Internet kết nối vạn vật (IoThings), công nghệ Nano/ Vật liệu 2D, (Nanotechnology/2D Materials), công nghệ sinh học/Biến đổi gen và cách mạng nông nghiệp (Biotechnology/Genetics & Agricultural Innovation), khử muối lọc nước ngọt từ nước biển và quản lý chất thải rắn (Desalination and Enhanced Waste Management.)

Thực trạng về năng lực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng tại VN

Phải thừa nhận rằng giáo dục đại học Việt Nam trong suốt thời gian qua đã có những đóng góp rất lớn cho cuộc đấu tranh giải phóng và xây dựng tổ quốc, nhất là trong quá trình phục hồi và chấn hưng nền kinh tế đất nước. Giáo dục đại học là hình thức tổ chức giáo dục cho các bậc học sau giai đoạn bậc phổ thông với các trình độ đào tạo: gồm trình độ cao đẳng, trình độ đại học, trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ.

Theo Báo cáo của Bộ GD&ĐT (2017), và Tổng Cục Thống kê, qua các số liệu và những phân tích, những kết luận cho thấy hoạt động

giáo dục đại học hiện nay đang có nhiều yếu kém, bất cập. Những bất cập đó có thể nhìn ở khía cạnh số lượng, khi mà tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi 20-24 đang được đào tạo trong các trường đại học ở Việt Nam chỉ chiếm 10%, trong khi đó tỷ lệ này ở Thái Lan là 41%, Hàn Quốc là 89% và ở Trung Quốc là 15%. Số sinh viên trên vạn dân hiện nay ở nước ta là khoảng 120, trong khi đó con số này ở Thái Lan là 400 sinh viên.

Vài năm gần đây, số lượng học sinh THPT đăng ký tham gia kỳ thi tuyển sinh vào các trường đại học thường ở vào khoảng 1,6 - 1,8 triệu lượt thí sinh, nhưng hệ thống các trường đại học chỉ có khả năng đáp ứng được khoảng 1/5 đến 1/6 số lượng nêu trên. Bộ GD&ĐT hiện cũng chỉ quản lý gần 30% các trường đại học cao đẳng trong toàn quốc. Đặc điểm hệ thống Giáo dục Quốc dân của Việt Nam hiện nay có thể thấy được chia thành 3 nhóm chính gồm:

Các cơ sở giáo dục đào tạo lao động nghề nghiệp: Theo thống kê của Bộ Lao Động Thương binh và Xã hội, tính đến năm 2019, hệ thống giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam với mạng lưới gồm 1.917 cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hệ thống bố trí trải rộng khắp cả nước với 400 trường cao đẳng, 492 trường trung cấp, và 1025 trung tâm giáo dục nghề nghiệp. Tính đến ngày 31/12/2016, cả nước có 67,686 giáo viên dạy nghề. Con số này tăng 11.35% (6,902 người) so với năm 2015. Năm 2019, hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển được khoảng 2.338.000 người học. Trong năm 2017, hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam đã cung cấp cho thị trường lao động 2.038.672 người đã qua đào tạo. Trong số này, khoảng 488.672 người có trình độ cao đẳng và trung cấp nghề. Số còn lại khoảng 1.550 nghìn người có chứng chỉ nghề ngắn hạn (đạt trình độ sơ cấp nghề và đào tạo dưới 3 tháng).

Đào tạo nhân lực thực hành hàn lâm: Trong năm 2019, Việt Nam có 237 trường đại học và học viện. Trong số này, có 172 trường công lập, 60 trường tư thục, và 5 trường 100% vốn nước ngoài. Bên cạnh đó, hệ thống giáo dục của Việt Nam hiện nay còn có 31 trường cao đẳng sư phạm và 2 trường trung cấp sư phạm. Đội ngũ

giảng viên ở các trường đại học dường như ít thay đổi trong suốt 17 năm qua, nhưng cũng trong khoảng thời gian đó số lượng sinh viên đã tăng lên gấp đôi, tức là từ 150 ngàn tăng lên 300 ngàn. Mặt khác số giảng viên có trình độ tiến sỹ cũng rất thấp, chỉ chiếm khoảng 10%, trong khi đó tỷ lệ tiến sỹ trong đội ngũ giảng viên trong các trường đại học mức trung bình ở phương Tây là khoảng 70%; số giảng viên là giáo sư, phó giáo sư cũng rất thấp (giáo sư chiếm 0,1%, phó giáo sư chiếm khoảng hơn 5% trong số giảng viên).

Cũng theo báo cáo của Bộ GD&ĐT (2018), có đến 16.514 trong tổng 72.792 giảng viên đại học của Việt Nam đạt trình độ tiến sỹ và 43.065 giảng viên đạt trình độ thạc sỹ trong năm học 2016-2017. Trong năm học 2019-2020, hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam đang đào tạo 1.518.986 sinh viên. Khoảng 43% trong số này đang theo học các ngành kinh tế và luật, nhưng chỉ có khoảng 15% theo học các ngành khoa học cơ bản và khoa học công nghệ.

Đào tạo nhân lực hàn lâm học thuật: trong tổng số 237 cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam năm 2019, hầu hết các trường đại học đều đã được cấp phép mở ngành đào tạo trình độ thạc sỹ hoặc liên kết đào tạo trình độ thạc sỹ. Số lượng tuyển sinh trình độ sau đại học liên tục tăng cho đến năm học 2018-2019, Tính riêng năm học 2017 - 2018, hệ thống này đào tạo 105.801 học viên cao học, 13.587 nghiên cứu sinh, và khoảng hơn 1.000 tiến sỹ. Trong năm học 2018-2019, hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam đang đào tạo 108.134 người ở trình độ sau đại học, trong đó: 11.000 người ở trình độ tiến sỹ. Trong các năm học 2016-2017, 2017-2018 các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam cho ra lò tổng cộng 35.918 thạc sỹ và tiến sỹ.

Tóm lại, Hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam những năm qua đã xây dựng được một hệ thống giáo dục toàn diện với đầy đủ các cấp học và loại hình đào tạo phân bố rộng khắp ở khắp cả nước đáp ứng được yêu cầu nhân lực chất lượng của thị trường lao động. Tuy nhiên xét về chất lượng thì còn nhiều hạn chế, thể hiện rõ nhất là năng lực giảng dạy của giảng

viên không đồng đều, thậm chí nhiều trường đại học còn có nhiều giảng viên chưa đạt chuẩn theo quy định. Thực tế đó cho thấy thị trường lao động Việt Nam đang có xu hướng phân hóa ngày càng cao trong các cấp học thấp. Trong khi đó, các cơ sở giáo dục bậc cao của Việt Nam vẫn chưa thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu đào tạo một đội ngũ NNL ngày càng được cải thiện cả về số lượng lẫn chất lượng của thị trường lao động việc làm.

Những cơ hội và thách thức trong giáo dục - đào tạo NNL chất lượng

Những cơ hội:

Thứ nhất, Trong chiến lược phát triển, Đảng, Nhà nước ta hết sức quan tâm, chăm lo đến công tác GD&ĐT. Phát triển, nâng cao chất lượng NNL, nhất là NNL chất lượng cao là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển nhanh, bền vững đất nước. Báo cáo Chính trị Đại hội XII của Đảng xác định: “Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài”... và yêu cầu “Chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn”.

Thứ hai, Cuộc CMCN 4.0 đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới và ảnh hưởng trực tiếp tới Việt Nam. Đây là cơ hội lớn trong quá trình đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước. Tuy nhiên, việc thiếu hụt NNL chất lượng cao cũng là cơ hội cho đẩy mạnh đào tạo NNL nói chung và NNL cao nói riêng để đáp ứng nhu cầu thị trường trong giai đoạn mới.

Thứ ba, Trong tiến trình hội nhập gần đây Việt Nam đã chủ động tham gia ký kết các hiệp định FTA, hiệp định CPTPP,... đặc biệt là Hiệp định EVFTA mới có hiệu lực. Các chuyên gia cho rằng những cơ hội từ những hiệp định mà VN đã tham gia sẽ mang lại cho các doanh nghiệp Việt Nam cơ hội phát triển rất lớn, với điều kiện các nhà tuyển dụng phải có được lực lượng lao động phù hợp để khai thác được tất cả các cơ hội này. Bên cạnh đó, đặc thù hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp châu Âu

phần lớn dựa vào công nghệ, do đó, yêu cầu của các doanh nghiệp này không chỉ đơn thuần là những lao động giá rẻ, mà còn cần kỹ năng và trình độ chuyên môn cao, điều này sẽ thúc đẩy hoạt động đào tạo NNL chất lượng.

Những thách thức:

Thứ nhất, Ở khía cạnh chất lượng, chất lượng giáo dục nói chung còn thấp, một mặt chưa tiếp cận được với trình độ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, mặt khác chưa đáp ứng với các ngành nghề trong xã hội. Đặc biệt khi xem xét chất lượng đào tạo theo 4 tiêu chí chất lượng của sinh viên tốt nghiệp: kiến thức tổng quát (bao gồm kiến thức về xã hội, thông thạo kỹ thuật vi tính, tiếng Anh...), kiến thức chuyên môn, kỹ năng phát hiện, đặt và giải quyết vấn đề và tiêu chí nhân cách chúng ta có thể thấy chất lượng đào tạo của các đại học nước ta còn quá hạn chế và đang là bất cập lớn trong nhiệm vụ đào tạo NNL.

Thứ hai, xét về cơ sở vật chất hạ tầng và lực lượng giảng viên, cho thấy đội ngũ giảng viên khối đào tạo đại học thiếu về số lượng và nhìn chung đạt thấp về chất lượng. Công tác quản lý giáo dục còn kém hiệu quả. Chương trình, giáo trình, phương pháp giáo dục chậm đổi mới, chậm hiện đại hóa. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đại học, các trường đại học ở nước ta hiện nay nhìn chung chưa tiếp cận với các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đại học phổ biến của thế giới. Về cơ sở vật chất của nhà trường không đồng bộ, còn thiếu thốn.

Một số giải pháp đổi mới, nâng cao giáo dục, đào tạo nhằm phát triển NNL ở Việt Nam hiện nay

Để thực hiện nhiệm vụ GD&ĐT đổi mới mục tiêu phát triển NNL ở nước ta, nhóm tác giả gợi ý tập trung thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

+ Thứ nhất, Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới GD&ĐT, bắt nhịp với xu thế phát triển KTTT của thế giới. Nhà nước xây dựng chiến lược NNL theo lĩnh vực và bậc đào tạo gắn với chiến lược phát triển KTXH, CNH-HĐH đất nước,

hội nhập quốc tế. Trước hết cần tập trung đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản trong chiến lược phát triển GD&ĐT trong giai đoạn sắp tới theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Đồng thời, nghiên cứu đổi mới hệ thống giáo dục phổ thông phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước và xu thế phát triển giáo dục của thế giới.

+ Thứ hai, Thực hiện liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động, cơ sở đào tạo và Nhà nước để phát triển nguồn nhân lực theo nhu cầu của xã hội. Tập trung huy động các nguồn lực xã hội tham gia, đáp ứng kịp thời và hiệu quả nhu cầu NNL cho thị trường lao động, cần xã hội hóa mạnh mẽ khu vực đào tạo nghề, thực hiện đối tác công tư, thúc đẩy sự tham gia của các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào hệ thống giáo dục đào tạo. Cần có cơ chế, chính sách phù hợp thiết lập mối liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp cả về nguồn lực, xây dựng nội dung, chương trình đào tạo và sử dụng hiệu quả sản phẩm giáo dục, đào tạo. Đồng thời, chúng ta cần tạo điều kiện và có cơ chế, chính sách mạnh mẽ để khuyến khích các doanh nghiệp thuộc tất cả các thành phần kinh tế đầu tư kinh phí để xây dựng, phát triển hệ thống đào tạo ngay tại doanh nghiệp.

+ Thứ ba, Đào tạo NNL cần chú trọng đáp ứng yêu cầu đa dạng, đa tầng của công nghệ và trình độ phát triển của các lĩnh vực, ngành nghề nhất là trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 như hiện nay. Việt Nam đang trên bước đường chuyển đổi thành nền kinh tế số, khuyến khích đổi mới sáng tạo, để thực hiện “đi tắt đón đầu” cần sử dụng nhiều trình độ công nghệ khác nhau, phát triển đa dạng các ngành nghề, cả những ngành sử dụng nhiều lao động và những ngành mũi nhọn, có lợi thế so sánh và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, có khả năng tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Do đó, để đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, GDĐT phải đa dạng cả về trình độ và ngành nghề. Trong đó, tập trung thực hiện chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, công

nghệ mũi nhọn...

Kết luận

Xuất phát từ thực trạng đào tạo NNL, qua phân tích thực trạng năng lực đào tạo, những cơ hội và thách thức trong công tác đào tạo NNL chất lượng của nước ta trong thời gian qua, cho thấy, để đáp ứng đủ yêu cầu nhân lực cho nền kinh tế phục vụ sự nghiệp đổi mới, sáng tạo, đòi hỏi phải thay đổi căn bản từ chính sách vĩ mô của Nhà nước thông qua chính sách quản lý thị trường lao động đến chính sách vi mô trong hoạt động của các cơ sở đào tạo, nhất là hình thức và phương pháp đào tạo toàn diện trong nhà trường.

Vì CMCN lần thứ tư đòi hỏi phương thức và phương pháp đào tạo thay đổi với sự ứng dụng mạnh mẽ của công nghệ thông tin. Đào tạo ảo, mô phỏng, số hóa bài giảng sẽ là những xu hướng đào tạo nghề nghiệp trong tương lai. Đối với Việt Nam, phát triển kinh tế tri thức đang là một tất yếu, trong đó GD&ĐT là trụ cột quan trọng nhất. Trong thời gian tới, cần tạo động lực và huy động mọi nguồn lực xã hội để nâng cao hiệu quả GD&ĐT.

Việc thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp nêu trên và sự vào cuộc của tất cả các lực lượng sẽ tạo ra bức tranh kinh tế xã hội ở nước ta toàn diện và bền vững hơn. ▲

Tài liệu tham khảo

1. Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010, trong Giáo dục đại học Việt Nam thời hội nhập, tr. 44, Nxb Lao động, Hà Nội, 2007.
2. Lê Văn Công, Vai trò giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hóa, trong Giáo dục đại học Việt Nam thời hội nhập, tr. 57, Nxb Lao động, Hà Nội
3. Mạnh Cường, Bảy giải pháp đổi mới giáo dục đại học Việt Nam, <http://vietnamnet.vn/giaoduc>
4. Nguyễn Văn Tuấn, Chất lượng giáo dục đại học: bắt đầu từ thầy và kết thúc ở trò, Dien dan Forum, BP 50, 92340 Bourg-La-Reine, France diendan@diendan.org.
5. Duy Tuấn, Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam là cần thiết, trong Giáo dục đại học Việt Nam thời hội nhập, tr. 72, Nxb Lao động, Hà Nội.

*Đinh Kiệt, Phước Minh Hiệp, Đào Văn Tuyết
 Trường Đại học Bình Dương*

Bình Dương:

Tăng trưởng xanh để góp phần ứng phó biến đổi khí hậu

Lấy con người làm trung tâm, giúp giảm thiểu tính dễ bị tổn thương của con người trước biến đổi khí hậu; khuyến khích lối sống có trách nhiệm của từng cá nhân đối với cộng đồng và xã hội, định hướng thế hệ tương lai về văn hóa sống xanh, hình thành xã hội văn minh, hiện đại hài hòa với thiên nhiên và môi trường.

Trong giai đoạn 2016-2020, Bình Dương đã ban hành nhiều chính sách, triển khai nhiều chương trình, kế hoạch, đề án... thực hiện tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương, trong đó đề ra 04 chủ đề chính gồm: Xây dựng kế hoạch tăng trưởng xanh tại địa phương; Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; Thực hiện xanh hóa sản xuất; Thực hiện xanh hóa lối sống và tiêu dùng bền vững với sự triển khai đồng bộ, quyết liệt, hoạt động tăng trưởng xanh tỉnh Bình Dương đã đạt được những kết quả tích cực ban đầu. Nhận thức của cộng đồng về tăng trưởng xanh ngày càng được nâng lên.

Xây dựng tăng trưởng xanh tại địa phương

Trong giai đoạn 2018-2020, các kế hoạch được triển khai nhằm nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của toàn dân vào việc thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, các hoạt động quốc tế xúc tiến và chia sẻ kinh nghiệm thực hiện tăng trưởng xanh và các đề án thực hiện thí điểm một số mô hình tăng trưởng xanh quy mô nhỏ trên địa bàn tỉnh cũng được các ngành, địa phương triển khai thực hiện.

Nhiều phong trào đã được triển khai và lan tỏa trong toàn dân trên địa bàn: ra quân các ngày Chủ nhật xanh, ngày Thứ bảy tình nguyện, hưởng ứng chiến dịch “Giờ trái đất”; nhân rộng các mô hình tự quản về bảo vệ môi trường, xây

dựng mô hình điểm “Khu dân cư bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu”; chương trình truyền thông hưởng ứng chiến dịch “Giờ trái đất”; tuyên truyền và vận động bảo vệ môi trường về tác hại của túi ni lông; các mô hình bảo vệ môi trường và tập huấn kiến thức bảo vệ môi trường cho các tổ chức tôn giáo trên địa bàn tỉnh, xây dựng mô hình “Khu phố xanh”, “Nhà trọ xanh”; các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, tổ chức Ngày hội “Thanh niên Bình Dương vì một đô thị xanh”, chiến dịch “Tiết kiệm - Tái chế - Tái sử dụng”,

Các cuộc thi sản phẩm tái chế, vẽ tranh cổ động; thi viết hành động vì môi trường; tuyên truyền về cách nhận diện những sản phẩm thân thiện môi trường, sản xuất hữu cơ cho người tiêu dùng, sử dụng các chai, lọ thủy tinh thay vì chai nhựa để đựng đồ, hạn chế sử dụng các sản phẩm chứa hạt vi nhựa; hạn chế sử dụng các vật dụng làm bằng nhựa dùng một lần, sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường để đóng gói, bọc hàng hóa thay các túi nilong; tổ chức truyền thông trực tiếp đến cán bộ và người dân về thiên tai và biến đổi khí hậu... đã nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong toàn dân trên địa bàn.

Thí điểm một số mô hình tăng trưởng xanh quy mô nhỏ trên địa bàn tỉnh được triển khai với các mô hình:

+ Mô hình xử lý chất thải chăn nuôi gia súc nhằm mục tiêu xử lý chất thải trong chăn nuôi

bằng công nghệ khí sinh học với chi phí đầu tư nhỏ, không chiếm nhiều diện tích đất; thu hồi được nguồn năng lượng phục vụ sản xuất và sinh hoạt tại chỗ (trong đun nấu, thắp sáng) và đặc biệt là giảm phát thải khí nhà kính; đồng thời nâng cao nhận thức đến các hộ nông dân, chủ trang trại chăn nuôi về sản xuất sạch hơn, xanh hơn, mang lại lợi ích về mặt chi phí kinh tế, môi trường, xã hội, giảm tiêu dùng năng lượng gây ô nhiễm môi trường.

+ Mô hình xanh hóa vườn cây có múi nhằm giảm chi phí, tiết kiệm nguồn lực về năng lượng, nước tưới, hóa chất nông nghiệp, giảm ô nhiễm tài nguyên đất, nước, không khí góp phần bảo vệ môi trường; nâng cao nhận thức của nông dân về sản xuất xanh hơn, sạch hơn hướng đến việc xây dựng thương hiệu cho vùng chuyên canh trái cây có múi.

+ Mô hình xanh hóa làng nghề sản xuất ngành nghề nông thôn truyền thống nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cá nhân, hộ sản xuất, cộng đồng dân cư tại các làng nghề về bảo vệ môi trường; giới thiệu, trình diễn những giải pháp công nghệ mới, tiết kiệm chi phí năng lượng, thân thiện với môi trường, góp phần giảm thiểu ô nhiễm tại các làng nghề truyền thống.

+ Mô hình nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp ngoài nhà nước (DNNN) về sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng thông qua các dự án trình diễn; thúc đẩy chuyển đổi các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) từ trạng thái sử dụng năng lượng kém hiệu quả, gây ô nhiễm sang trạng thái sử dụng hiệu quả năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Mô hình tiết kiệm nước tưới cho cây xanh, vườn hoa tại đô thị nhằm vận hành thí điểm hệ thống tưới nước nhỏ giọt đến các hồ trồng cây xanh, vườn hoa nhằm giáo dục, nâng cao nhận thức về tiết kiệm nước ngọt tưới cây cũng như tiết kiệm các chi phí hoạt động chăm sóc khác, góp phần tạo không gian xanh, mỹ quan đô thị, vừa nâng cao ý thức công dân về gìn giữ môi trường sống đô thị.

+ Mô hình xanh hóa khu nhà trọ tại các khu, cụm công nghiệp nhằm Nâng cao nhận thức,

định hướng hành vi tiêu dùng, lối sống cho cộng đồng công nhân sinh sống trong các khu nhà (phòng) trọ về sử dụng bao bì, phân loại rác thải sinh hoạt, tiết kiệm điện, nước sinh hoạt hằng ngày hay việc xanh hóa không gian nhà trọ...

+ Mô hình trường học xanh nhằm giáo dục học sinh cách sống khỏe mạnh; ý thức tự giác giữ gìn vệ sinh trường, lớp, môi trường sống xung quanh; tạo cho học sinh một môi trường học tập và sinh hoạt, vui chơi an toàn, sạch sẽ; tăng cường, kiện toàn công tác quản lý của nhà trường, sự quan tâm của các cấp ban, ngành, chính quyền địa phương, sự phối hợp hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nhà trường.

+ Mô hình bệnh viện xanh nhằm xây dựng không gian thăm khám, nghỉ dưỡng sạch sẽ, yên tĩnh, nhiều bóng mát gắn với các hoạt động khám chữa bệnh tại bệnh viện, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đảm bảo sức khỏe cộng đồng; nâng cao nhận thức của đội ngũ y bác sĩ, bệnh nhân, thân nhân về giữ gìn vệ sinh môi trường bệnh viện xanh sạch đẹp, an toàn.

Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo

Trong nhóm các hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong những ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng, giai đoạn vừa qua, tỉnh đã tổ chức 02 hội thảo lồng ghép các nội dung về tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn cho các doanh nghiệp. Đồng thời, đã xây dựng và hoàn thành Đề án tuyên truyền vận động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong nhân dân; nghiên cứu đề xuất công cụ phục vụ kiểm toán năng lượng lồng ghép đánh giá tiềm năng sản xuất sạch hơn cho một số ngành công nghiệp chủ yếu của tỉnh Bình Dương, sản phẩm chính đạt được là phần mềm phục vụ kiểm toán nhanh năng lượng lồng ghép với đánh giá tiềm năng sản xuất sạch hơn cho các ngành nghề công nghiệp tại Bình Dương.

Ngoài ra, các nhóm hoạt động như đổi mới công nghệ, áp dụng tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng tối thiểu, nâng cao năng lực quản lý năng

lượng trong công nghiệp và xây dựng tập trung xây dựng và nghiên cứu các đề tài: Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý phục vụ công tác phòng, chống ngập lụt trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Điều tra đánh giá khả năng chịu tải và đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm trên kênh, rạch cho vùng đô thị phía Nam tỉnh Bình Dương; Nghiên cứu đánh giá hiện trạng sạt lở đất ở Cù Lao Rùa (Thạnh Hội) trong thời gian qua, nguyên nhân, dự báo và đề xuất giải pháp khắc phục.

Với nhóm các hoạt động đổi mới kỹ thuật canh tác và hoàn thiện quản lý để giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong nông lâm nghiệp, thủy sản: đổi mới kỹ thuật canh tác và hoàn thiện quản lý để giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong nông, lâm nghiệp là một trong những nội dung quan trọng trong kế hoạch hành động Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2018 - 2020. Thời gian qua, với sự vào cuộc tích cực của các cấp, các ngành, sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước hoàn thiện theo hướng tăng trưởng xanh, cụ thể đối với một số lĩnh vực như:

Trong lĩnh vực trồng trọt: Thực hiện mô hình ứng dụng giống lúa OM 5451 theo chương trình “1 phải 5 giảm”. Kết quả, giống lúa ngắn ngày, có năng suất cao (5,0-5,5 tấn/ha), kháng được rầy nâu và bệnh đạo ôn dẫn nên giảm số lần và số công phun thuốc bảo vệ thực vật từ 3-7 lần; tiết kiệm chi phí sản xuất, giúp hạn chế ô nhiễm môi trường đất, nước gây ra bởi thuốc bảo vệ thực vật.

Triển khai thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp đô thị phía Nam tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020: Theo Quy hoạch phát triển nông, lâm, ngư nghiệp vùng nông nghiệp tại các huyện phía Nam của tỉnh được định hướng sẽ phát triển mô hình nông nghiệp đô thị sinh thái, ít sử dụng đất, ứng dụng công nghệ cao; trồng cây ăn trái đặc sản, các loại rau, hoa, cây cảnh, nuôi trồng các loại sinh vật cảnh, tạo mảng xanh đô thị... Hiện nhiều nơi trên địa bàn tỉnh người dân đã chú ý đến việc xây dựng các mô hình nông nghiệp đô thị phù hợp với quá trình đô thị hoá ngày càng nhanh.

Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại

tổng hợp (IPM) trên các loại cây trồng giai đoạn năm 2018 - 2020”: Hầu hết các điểm IPM đều thực hiện theo nguyên tắc quản lý dịch hại tổng hợp như trồng cây khỏe, bảo vệ thiên địch, thường xuyên thăm đồng, huấn luyện nông dân trở thành chuyên gia... Tại các điểm nghiên cứu đồng ruộng đều ưu tiên sử dụng thuốc trừ sâu sinh học, phun thuốc theo nguyên tắc 4 đúng, giảm số lần phun thuốc so với đối chứng 2 - 3 lần/vụ, do đó giảm chi phí đầu tư, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, năng suất cây trồng đạt kết quả cao hơn.

Áp dụng quy trình tưới tiêu tiết kiệm nước trong sản xuất lúa và các cây trồng khác; sử dụng giống, phân bón, thuốc trừ sâu có nguồn gốc sinh học, sử dụng hợp lý nhằm nâng cao tính an toàn của sản phẩm nông nghiệp. Phát triển và nhân rộng các mô hình nông nghiệp thông minh biến đổi khí hậu, các mô hình thích ứng biến đổi khí hậu dựa trên hệ sinh thái để đảm bảo tăng trưởng bền vững và giảm phát thải khí nhà kính.

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ cũng bắt đầu được quan tâm phát triển trên địa bàn tỉnh với khoảng 600ha sản xuất trồng trọt theo hướng hữu cơ. Bên cạnh đó, tăng cường tuyên truyền và hướng dẫn nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp một cách khoa học, hợp lý tránh tác động xấu đến môi trường. Tổ chức thu gom, tiêu hủy bao bì thuốc bảo vệ thực vật và hỗ trợ xây dựng hồ thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật, nhằm ngăn chặn tình trạng ô nhiễm nguồn nước, đất do thuốc bảo vệ thực vật gây ra.

- Trong lĩnh vực chăn nuôi: tập trung hoàn thiện quy hoạch chăn nuôi, đẩy mạnh hỗ trợ phát triển chăn nuôi an toàn bền vững như: Hỗ trợ xây dựng mô hình chuỗi sản phẩm chăn nuôi sạch; mô hình liên kết sản xuất, cung ứng các sản phẩm thịt heo, thịt gà, trứng gà VietGAHP ở nhiều địa phương trong tỉnh... Đến cuối năm 2020, đã chứng nhận được 34 cơ sở chăn nuôi theo quy trình VietGAHP. Qua đánh giá, các cơ sở hiện vẫn duy trì, thực hiện tốt các quy trình chăn nuôi theo quy định. Bên cạnh đó, tiếp tục tuyên truyền, khuyến khích các hộ gia đình nông thôn xây dựng mới công trình khí sinh học - Biogas để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường,

nguồn nước, tạo khí đốt sinh học, cải thiện đời sống, sinh hoạt cho các hộ dân nông thôn.

- Trong lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp: công tác trồng rừng được quan tâm, lựa chọn các giống cây lâm nghiệp có chất lượng cao, tăng cường chăm sóc, bảo vệ để nâng cao chất lượng rừng, tăng khả năng hấp thụ khí CO₂; quản lý rừng bền vững kết hợp với đa dạng hóa sinh kế cho người dân địa phương. Năm 2020, thực hiện quản lý, bảo vệ diện tích rừng và đất chưa có rừng trong quy hoạch lâm nghiệp 10.674,07ha; khoanh nuôi tái sinh 376,01ha rừng; trồng rừng: 63,13ha; chăm sóc rừng trồng 141,63ha; trồng cây phân tán được 12.465 cây, góp phần nâng tỷ lệ che phủ cây lâm nghiệp và cây lâu năm đạt 57,5%.

Với nhóm các hoạt động phát triển nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, tỉnh đã thực hiện 02 dự án về thiết kế lắp đặt hệ thống biến đổi năng lượng mặt trời: Công trình Thiết kế lắp đặt hệ thống biến đổi năng lượng mặt trời công suất 1P-2,5kW ứng dụng trong dân dụng Công trình Thiết kế lắp đặt hệ thống biến đổi năng lượng mặt trời công suất 3P-15kW góp phần thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng các dạng năng lượng mới; triển khai thực hiện đề tài “Điều tra, thống kê phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh Bình Dương” nhằm hình thành cơ sở dữ liệu thực hiện kiểm kê khí nhà kính định kỳ của tỉnh và đề xuất các giải pháp quản lý, các hoạt động giảm thiểu phát thải khí nhà kính trên địa bàn.

Thực hiện xanh hóa sản xuất

Tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Ngoài ra, khi nhà đầu tư có nhu cầu nghiên cứu, khảo sát đầu tư các dự án điện mặt trời nổi lưới có công suất tương đối lớn trên địa bàn, luôn hỗ trợ nhà đầu tư nắm bắt thông tin, nhu cầu của nhà đầu tư, xem xét tính phù hợp với các quy hoạch khác... để nhanh chóng kết luận, trả lời chủ đầu tư theo quy định.

Cải thiện đổi mới công nghệ và phát triển hạ tầng năng lượng theo hướng bền vững, tính đến tháng 10/2020, trên địa bàn tỉnh đã có 2.097 dự án điện mặt trời mái nhà (bao gồm người dân và

doanh nghiệp) được triển khai với tổng công suất khoảng 109.166,8 kWp. Tuy công suất lắp đặt và số lượng dự án chưa nhiều, nhưng đây sẽ là định hướng phát triển được đánh giá nhiều tiềm năng, do hiện nay giá thành lắp đặt khá hợp lý phù hợp với khả năng đầu tư của nhiều gia đình và doanh nghiệp. Điện mặt trời mái nhà được triển khai nhằm tận dụng diện tích mặt bằng mái lớn tại các nhà máy, khu dân cư, vốn có cơ sở hạ tầng điện lưới đầy đủ, thuận tiện trong việc nối lưới và phát huy tối đa tiềm năng năng lượng mặt trời tại Việt Nam nói chung và tại tỉnh Bình Dương nói riêng, điện mặt trời mái nhà được xem là giải pháp hiệu quả hiện nay.

Hỗ trợ và khuyến khích nghiên cứu, triển khai và đầu tư áp dụng công nghệ xanh, đổi mới công nghệ thông qua các đề tài nghiên cứu thuộc nhiều lĩnh vực: Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý phục vụ công tác phòng, chống ngập lụt trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Nghiên cứu đề xuất công cụ phục vụ kiểm toán năng lượng lồng ghép đánh giá tiềm năng sản xuất sạch hơn cho một số ngành công nghiệp chủ yếu của tỉnh Bình Dương; Điều tra đánh giá khả năng chịu tải và đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm trên kênh, rạch cho vùng đô thị phía Nam tỉnh Bình Dương; Nghiên cứu đánh giá hiện trạng sụt lún đất ở Cù Lao Rùa (Thạnh Hội) trong thời gian qua, nguyên nhân, dự báo và đề xuất giải pháp khắc phục; Nghiên cứu và đánh giá mức phát thải khí nhà kính trên đơn vị GDP tại tỉnh Bình Dương.

Chống thoái hóa đất, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên, hàng năm, công tác quan trắc và giám sát chất lượng đất để đánh giá các thành phần ô nhiễm đồng thời tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trong thời gian tới, tỉnh Bình Dương sẽ điều chỉnh bổ sung quy hoạch điểm quan trắc tài nguyên môi trường, giám sát chất lượng đất tại các khu vực cảnh báo thoái hóa và báo cáo theo dõi, đánh giá kết quả quan trắc chất lượng đất theo quy định. Bên cạnh đó, thực hiện các đề tài nhằm đánh giá tình trạng thoái hóa đất, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất như: điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai; điều tra, đánh giá ô nhiễm đất; điều tra, phân hạng đất nông nghiệp, dự kiến đến năm 2022 sẽ hoàn thành. Qua đó, sẽ đề xuất

đưa vào khai thác, sử dụng hợp lý các khu vực đất sản xuất nông nghiệp bị hoang hóa, tăng cường công tác quy hoạch sử dụng đất nhằm đảm bảo đất được sử dụng đúng với các điều kiện thổ nhưỡng, góp phần hạn chế thoái hóa đất trên địa bàn tỉnh, đồng thời phối hợp góp ý về các khu vực có cảnh báo thoái hóa đất nhằm bố trí cây trồng, vật nuôi và xác định các giải pháp phù hợp; cần theo dõi và giám sát chặt chẽ việc sử dụng đất tại các khu vực bị thoái hóa.

Khuyến khích hỗ trợ phát triển nhanh các ngành sản xuất sản phẩm sinh thái thông qua công tác tuyên truyền phổ biến về các sản phẩm sinh thái cho các đối tượng doanh nghiệp trong các nội dung tập huấn, tuyên truyền về bảo vệ môi trường đã triển khai lồng ghép hiệu quả. Qua đó nhằm khuyến khích doanh nghiệp đăng ký dán nhãn sinh thái theo tiêu chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. Đồng thời tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp về mặt pháp lý, trình tự thủ tục trong quá trình tham gia và công nhận, dán nhãn sinh thái; tổ chức tuyên truyền, khuyến khích người dân tiêu dùng các sản phẩm sinh thái trong các chương trình truyền thông, tuyên truyền về bảo vệ môi trường của ngành tài nguyên và môi trường.

Đổi mới công nghệ, áp dụng phổ biến phương pháp sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, trong giai đoạn này, tỉnh đã triển khai thực hiện đánh giá nhanh và đánh giá tổng thể về sản xuất sạch hơn cho 31 doanh nghiệp sản xuất công nghiệp; tổ chức các Hội thảo về tiết kiệm năng lượng với sản xuất sạch hơn cho doanh nghiệp.

Trên quan điểm phát triển du lịch bền vững tỉnh Bình Dương đã xây dựng “Đề án Phát triển du lịch tỉnh Bình Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới gắn liền với tình hình thay đổi thực tế trong nước, bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế; nâng cao vai trò, vị trí của du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển toàn diện đời sống văn hóa, kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đẩy mạnh hoạt động tái chế, tái sử dụng các chất phế thải trong nước, thực hiện thí điểm phân

loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn để phân loại các chất thải rắn, hạn chế các chất thải ra môi trường và thu gom các chất thải còn giá trị để tái chế trên một số tuyến đường, khu phố và một số khu vực đông dân cư trên địa bàn tỉnh; tổ chức Hội nghị triển khai các quy định về Quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Qua đó giúp nâng cao ý thức và trách nhiệm của các ngành, các cấp, các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trong việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn giúp tăng khả năng tái chế, tái sử dụng các chất phế thải trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp không nguy hại được thu gom, xử lý và tái chế khoảng 95%; áp dụng thành công công nghệ phân loại, tái chế rác thải thành năng lượng, vật liệu xây dựng và phân vi sinh tại khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương.

Để phục hồi, phát triển các nguồn vốn tự nhiên, tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động đa dạng sinh học tỉnh Bình Dương đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020, nhằm tổng hợp, hoàn thiện dữ liệu về đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh, xây dựng và thực hiện các quy hoạch dài hạn về khai thác, sử dụng, dự trữ bảo tồn các tài nguyên. Trong đó, đặc biệt tập trung vào mảng xanh đô thị, công nghiệp nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp để cải thiện điều kiện khí hậu trên địa bàn tỉnh, nhất là tại các khu công nghiệp, khu đô thị, đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư cơ sở hạ tầng, dịch vụ sinh thái các khu bảo tồn....Theo đó đã triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng bản đồ thám phủ thực vật tỉnh Bình Dương thuộc nhiệm vụ Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bình Dương năm 2019 - chuyên đề đa dạng sinh học”.

Ngoài ra, việc phát triển kết cấu hạ tầng bền vững cũng đã được triển khai như tuyên truyền, vận động lắp đặt đồng hồ nước cho các hộ dân nông thôn, tỷ lệ số hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát chất lượng nước đúng quy trình; thực hiện sửa chữa thường xuyên, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị công nghệ các trạm cấp nước và thực hiện các biện pháp chống thất thoát nước đảm bảo công trình hoạt động an toàn, chất lượng nước ổn định, đạt tiêu chuẩn Bộ Y tế phục vụ cung cấp nước sạch

cho nhân dân. Tăng cường đầu tư, nâng cấp hệ thống đê điều và các công trình phòng chống thiên tai khác để đảm bảo an toàn hoạt động kinh tế - xã hội, dân sinh, giao thông, ứng phó biến đổi khí hậu, thiên tai. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư, mở rộng, nâng cấp, sửa chữa các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn với thiết bị vận hành hiện đại đảm bảo điều tiết, cung cấp và bảo vệ tốt nguồn nước. Nâng cao hiệu suất các trạm bơm; triệt để tận dụng khả năng sử dụng các hệ thống thủy lợi tự chảy để tiết kiệm năng lượng bơm nước.

Thực hiện xanh hóa lối sống và tiêu dùng bền vững

Hiện nay, các đô thị trên địa bàn tỉnh đã và đang trong quá trình điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung, quy hoạch phân khu.

“Đề án thành phố thông minh tỉnh Bình Dương” đã được UBND tỉnh phê duyệt thực hiện trong đó có xác định vùng đô thị thông minh gồm các đô thị phía Nam của tỉnh (Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An); gắn việc xây dựng thành phố thông minh kết hợp với tăng trưởng xanh, phát triển bền vững. Bình Dương sẽ phải tạo ra cơ sở hạ tầng tốt hơn cho người dân; hàng hóa, thông tin và tri thức phong phú và chất lượng hơn để thu hút cư dân mới, lao động tri thức, nhà đầu tư, doanh nghiệp đến làm việc và sinh sống.

Đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm điều hành thành phố thông minh giai đoạn 1, kết nối cơ sở dữ liệu trong quá trình điều hành phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ người dân. đầu tư hệ thống thông tin địa lý (GIS) giai đoạn 2, thực hiện trên ranh địa giới nghiên cứu bao gồm 08 huyện, thị xã. Đơn vị thiết kế đang trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và chuyển giao phần mềm, hiện nay đã cơ bản hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Ưu tiên phân bổ đất công để nâng cao diện tích không gian xanh và mặt nước ở các đô thị, đạt tiêu chuẩn diện tích cây xanh đô thị ước tính theo đầu người đã quy định cho từng loại đô thị.

Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức luôn được quan tâm chú trọng đối với việc vận động thực hiện “Lối sống xanh”; triển khai thực hiện mô hình xanh hóa khu nhà trọ tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

triển khai Đề án tuyên truyền vận động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một.

Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được đẩy mạnh, đạt được kế hoạch đề ra: Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được quan tâm đầu tư, đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn ngày một nâng lên; an sinh xã hội được quan tâm và thực hiện tốt,... Đến cuối năm 2020, 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 07 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 01 huyện, 02 thị xã đã được công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới và thị xã hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới. Thu nhập bình quân của dân cư nông thôn đến năm 2020 đạt 68 triệu đồng/người/năm.

Thực hiện quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn xanh - sạch - đẹp, văn minh mới theo hướng bảo vệ và phát triển cảnh quan và môi trường bền vững. Đến năm 2020, 100% số xã đạt và duy trì tiêu chí số 17 về môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Các xã nông thôn mới thực hiện trồng các tuyến đường hoa, cây xanh khu vực nông thôn; thành lập các tổ tự quản về môi trường và thường xuyên tổ chức ra quân vệ sinh môi trường, phát quang bụi rậm nhân các ngày lễ lớn, ngày môi trường thế giới,...

Định hướng cho giai đoạn tiếp theo

Ngày 08/02/2021, tỉnh đã ban hành Quyết định số 430/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đó Bình Dương đã đặt mục tiêu đến năm 2030 sẽ cắt giảm 8% tổng lượng khí nhà kính, hiện tại việc triển khai các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính đã được thực hiện rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực. Trong đó, cường độ năng lượng của các ngành sản xuất công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng đều giảm dần.

Trong giai đoạn 2021-2030, Bình Dương sẽ xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm các chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh và phòng chống giảm nhẹ thiên tai. Tăng cường công tác xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tiếp tục nhân rộng thí điểm một số mô hình

tăng trưởng xanh quy mô nhỏ trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh; nghiên cứu triển khai thực hiện Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050; nghiên cứu xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021-2030.

Bổ sung các dự án điện mặt trời, năng lượng tái tạo vào quy hoạch điện mặt trời, quy hoạch năng lượng tái tạo quốc gia hoặc quy hoạch phát triển điện lực tỉnh; tiếp tục tạo điều kiện cho các nhà đầu tư khảo sát, thực hiện thủ tục theo quy định để đầu tư các dự án điện mặt trời có công suất lớn trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức các lớp tuyên truyền về sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong sản xuất và sinh hoạt mở rộng cho nhiều đối tượng. Nâng số lượng các đơn vị sử dụng năng lượng trọng điểm được kiểm toán trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2020 - 2030 theo quy định, điều tra, đánh giá ô nhiễm đất, tiềm năng đất đai lần đầu, điều tra phân hạng đất nông nghiệp lần đầu trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở kết quả các đề tài “Điều tra, thống kê phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh Bình Dương”, đề tài “Xây dựng bản đồ thảm phủ thực vật tỉnh Bình Dương thuộc nhiệm vụ Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bình Dương năm 2019 - chuyên đề đa dạng sinh học” tiếp tục xây dựng các nhiệm vụ nhằm đẩy nhanh các công tác bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh.

Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư của tỉnh cho phát triển sản xuất theo hướng ưu tiên đầu tư vào những ngành sản xuất xanh, sạch; chú trọng vào những ngành hàng phát triển, ứng dụng công nghệ cao, sử dụng năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; giảm và tiến tới không đầu tư vào những ngành hàng sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường và không thích ứng được với biến đổi khí hậu.

Đặc biệt, triển khai có hiệu quả “Chiến lược

quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050” với quan điểm Tăng trưởng xanh góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2021 - 2030, hệ thống quy hoạch quốc gia, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực. Tăng trưởng xanh là một phương thức quan trọng để thực hiện phát triển bền vững, đóng góp trực tiếp vào giảm phát thải khí nhà kính để hướng tới nền kinh tế trung hòa các-bon trong dài hạn.

Tăng trưởng xanh lấy con người làm trung tâm, giúp giảm thiểu tính dễ bị tổn thương của con người trước biến đổi khí hậu; khuyến khích lối sống có trách nhiệm của từng cá nhân đối với cộng đồng và xã hội, định hướng thế hệ tương lai về văn hóa sống xanh, hình thành xã hội văn minh, hiện đại hài hòa với thiên nhiên và môi trường. Tăng trưởng xanh phải dựa vào thể chế và quản trị hiện đại, khoa học và công nghệ tiên tiến, nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với bối cảnh quốc tế và điều kiện trong nước.

Tăng trưởng xanh định hướng đầu tư vào công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, kết cấu hạ tầng thông minh và bền vững; tạo động lực để đầu tư tư nhân đóng vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế xanh. Tăng trưởng xanh là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị, toàn dân, cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức liên quan, được thúc đẩy bằng tinh thần đổi mới sáng tạo và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, bền vững. ▲

Nguồn tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo tình hình kinh tế xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh Bình Dương năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021
2. Báo cáo Tổng kết tình hình thực hiện Hợp phần Tăng trưởng xanh thuộc Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch hành động số 1847/KH-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh về tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2018-2020.
3. Quyết định số 1658/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

Thy Diễm